

### Chương 3

## ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1954 - 1965)

### I. SẮP XẾP TỔ CHỨC, CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (1954 - 1960)

#### 1. Chính sách của Mỹ - Diệm và tình hình Quảng Nam sau Hiệp định Genève

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ tháng 5 - 1954, Pháp phải ký Hiệp định Genève (21 - 7 - 1954) về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức đối với 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Đây là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của Nhân dân các nước ở Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.

Theo Hiệp định, quân đội hai bên phải ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và bàn giao khu vực, lấy vĩ tuyến 17 (dọc theo sông Bến Hải - Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời; không phân biệt đối xử, không trả thù đối với những cá nhân, những tập thể cũng như với gia đình của những người đã cộng tác với một trong 2 bên trong thời gian chiến tranh; Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong

cả nước sẽ được tổ chức vào tháng 7 - 1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban Quốc tế. Những điều khoản này sẽ được hai bên thực hiện trong thời gian 300 ngày, kể từ ngày 21 - 7 - 1954 đến ngày 19 - 5 - 1955. Tuy nhiên, thi hành Hiệp định Genève, Quảng Nam chỉ có một thời gian rất ngắn từ 15 ngày ở các huyện phía Bắc, 30 ngày ở các huyện phía Nam<sup>1</sup> phải rút hết toàn bộ lực lượng vũ trang, tập trung vũ khí để vào Quy Nhơn, tập kết ra Bắc. Đại bộ phận cán bộ công nhân viên thoát ly của các ngành, các cấp và cán bộ đảng viên ở cơ sở đều ở lại và trở về sinh hoạt với gia đình trong vùng ta mới bàn giao cho địch quản lý, một bộ phận được chỉ định thoát ly hoạt động bí mật.

Trong lúc ta đang thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Genève, thì địch lại trắng trợn vi phạm Hiệp định. Trên địa bàn Quảng Nam, ngay cả khi cán bộ và các lực lượng vũ trang ta chưa chuyển quân xong thì địch đã lo móc nối với bọn Quốc dân đảng, bọn lưu manh có hận thù với cách mạng ráo riết chuẩn bị các đòn tiến công phủ đầu phong trào các huyện vùng tự do phía nam như Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước, nhằm khủng bố tinh thần đấu tranh của cán bộ, Nhân dân, hạ uy thế của Đảng. Bọn phản động địa phương lập danh sách phân loại đảng viên, cán bộ, phao tin hù dọa, ám sát gây căng thẳng trong Nhân dân.

Song song với việc xây dựng chính quyền trung ương, Mỹ - Diệm ra sức củng cố chính quyền xã, thôn (ấp)<sup>2</sup> bằng cách

1. Trong kháng chiến chống Pháp, Quảng Nam hình thành 2 vùng: Vùng tạm bị địch chiếm từ phía bắc sông Bà Rén trở ra, vùng tự do gồm các huyện từ phía nam sông Bà Rén trở vào: Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước, Trà My nối liền với 3 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên thành một vùng tự do rộng lớn của Khu 5.

2. Trần Bá Đệ (chủ biên) - Lê Cung, *Giáo trình Lịch sử Việt Nam*, tập VII: Từ 1954 - 1975, Nxb. ĐHSP, 6-2010, trang 51.

bổ nhiệm những người thuộc phe cánh Diệm làm xã trưởng, ấp trưởng. Đi ngược lại truyền thống dân chủ vốn có của làng xã Việt Nam, Mỹ - Diệm bãi bỏ các hội đồng dân cử thay vào đó bằng chế độ “*chỉ định*”. Do chế độ “*chỉ định*”, nên bộ máy chính quyền thôn, xã ra sức bạo hành, ức hiếp lương dân. Chính những người trong bộ máy chính quyền Ngô Đình Diệm cũng phải thừa nhận rằng: “*Một trong những khuyết điểm lớn nhất của Diệm là việc các viên chức làng xã được bầu cử đã bị chính quyền trung ương thay thế một cách độc đoán bằng những kẻ tay sai được chỉ định*”<sup>1</sup>. Bộ máy an ninh của địch từ xã đến thôn (ấp) cũng được thiết lập khá chặt chẽ, ở xã có cuộc cảnh sát do xã phó phụ trách an ninh làm cuộc trưởng, ở cơ sở do thôn (ấp) phó phụ trách. Bọn địch tiến hành thanh lọc quần chúng thành 4 loại: Loại A (gia đình tập kết), loại B (gia đình đảng viên), loại C (gia đình tình nghi), loại D (dân thường). Ngoài ra, chúng đã thu thập được danh sách cán bộ, đảng viên, những người tham gia kháng chiến cũ và tập trung đánh phá quyết liệt vào lực lượng này để tiêu diệt phong trào đấu tranh của Nhân dân.

Cùng với bộ máy cai trị từ trung ương xuống xã, Mỹ - Diệm lập các tổ chức quần chúng trá hình như “*Thanh niên cộng hòa*”, “*Phụ nữ liên đới*”, “*Nhân dân tự vệ đoàn*”, “*Ngũ gia liên bảo*”, “*Liên gia tương trợ*” để theo dõi, giám sát các hoạt động của Nhân dân.

Thực hiện âm mưu phá hoại Hiệp định Genève, loại trừ cộng sản để chiếm đóng lâu dài miền Nam Việt Nam, các loại tay sai của Mỹ - Diệm mặc sức bắn giết cán bộ và Nhân dân; liên tiếp gây ra các vụ tàn sát hàng loạt đồng bào ta tại Hà Lam

1. Trần Văn Đôn, *Our Endless War* (inside Vietnam), Pressidio Pres, San Rafael, CA, USA, 1987, trang 124.

- Chợ Đước (Thăng Bình), Chiên Đàn (Phú Ninh), Cây Cốc (Tiên Phước); truy tìm khủng bố trả thù những người kháng chiến cũ bằng những hình thức giết người dã man như xẻo tai, móc mắt, mổ bụng, thủ tiêu, chôn sống, bỏ bao tải thả sông, thả biển hàng trăm người ở Phước Đức (Quế Sơn), Tất Viên (Thăng Bình), Vĩnh Trinh (Duy Xuyên); Ba Cây, Tư Phú (Điện Bàn); Phiếm Ái, Khe Cồng, Hà Sóng (Đại Lộc), Khánh Thọ (Phú Ninh), Tam Hải (Núi Thành), Sơn - Cẩm - Hà (Tiên Phước)... Cạnh đó, chúng còn gây ra nhiều vụ giết người trên sông Thu Bồn, Vu Gia, Bàn Thạch, Khe Tre... Tính đến ngày 14 - 11 - 1954, chưa đầy 3 tháng tiếp quản, bọn tay sai Mỹ - Diệm đã bắt tra tấn, giết hại trên 300 cán bộ trong tỉnh.

Đầu năm 1955, Mỹ - Diệm tiến hành giai đoạn một “*tố cộng*” nhằm đi sâu đánh phá ta một cách toàn diện. Trong đó, địch tập trung đánh vào Đảng, đánh vào dân, vừa tiêu diệt con người, vừa tiêu diệt tư tưởng, cốt làm cho Nhân dân từ bỏ Đảng và trở thành người dân “*quốc gia*”, ngăn chặn cuộc đấu tranh của Nhân dân đòi hiệp thương tổng tuyển cử. Tháng 2 - 1955, chúng mở chiến dịch tố cộng Phan Châu Trinh; tháng 7 - 1955, chúng mở chiến dịch tố cộng Trịnh Minh Thế. Địch mở trại “*cải huấn*” ở các huyện lỵ, bắt cán bộ, đảng viên ta sám hối, xé cờ Đảng, ảnh Bác Hồ. Không chỉ có cán bộ, đảng viên mà cả Nhân dân cũng bị địch bắt đi học “*tố cộng*”, địch bắt học viên học tài liệu “*Tội ác Việt cộng*”, “*Công đức Ngô Đình Diệm*”... Sau khi học, học viên phải tự viết tờ ly khai Đảng, khai báo đảng viên, cơ sở cách mạng. Song các chiến dịch này nhìn chung còn hạn chế do Mỹ - Diệm phải lo đối phó với các giáo phái và các lực lượng thân Pháp<sup>1</sup>. Trước đó, vào cuối tháng 5 - 1955, mâu

1. Do mâu thuẫn về quyền lợi giữa bọn tay sai thân Pháp và thân Mỹ, tháng 3-1955,

thuần nội bộ địch diễn ra gay gắt, bọn Quốc dân đảng ly khai chính quyền Diệm, kéo lên Tiên Phước lập chiến khu chống Diệm lấy tên “Nam - Ngãi - Bình - Kỳ”, đưa tên Nguyễn Đình Thiệp, nguyên Tỉnh ủy viên Quốc dân đảng lên làm tư lệnh, chỉ huy trưởng. Âm mưu của Quốc dân đảng là chiếm cứ cả vùng thấp bắc Trà My, nối liền với vùng thấp huyện Phước Sơn, xây dựng chiến khu dự bị, nếu ở đồng bằng chúng không chống cự nổi quân của Diệm thì lui về miền núi hoạt động.

Sau một thời gian ly khai chống Diệm, bọn Quốc dân đảng vì quá tàn ác không thu phục được lòng dân, không được dân ủng hộ nên càng chống Diệm càng suy yếu, sức mòn lực kiệt phải tính đến chuyện quy hàng chính quyền Diệm. Trước khi ra hàng Diệm, bọn Quốc dân đảng đã gây ra vụ thảm sát man rợ, bắt 200 người đem chôn sống ở hầm heo Đồng Trại thuộc thôn 2 xã Tiên Cẩm. Riêng trong ngày 2 - 12 - 1955 (21 - 11 âm lịch) chúng bắt chôn sống một lúc 35 cán bộ, đảng viên của ta tại hầm heo Gò Vàng ở Tiên Sơn. Tại 3 xã Sơn - Cẩm - Hà (Tiên Phước), chỉ trong vòng 9 tháng, bọn Quốc dân đảng đã bắt giết gần 400 cán bộ, đảng viên và Nhân dân ta.

Ở miền núi, từ giữa năm 1955, Mỹ - Diệm mở nhiều đợt khủng bố Nhân dân rất dã man. Chúng bày trò “*ăn yên*”<sup>1</sup>, xây dựng nhà thờ, phát triển tôn giáo,... nhằm ru ngủ, lôi kéo Nhân dân.

Đến cuối năm 1955, sau khi loại trừ được các lực lượng thân Pháp và các giáo phái, bắt bọn Quốc dân Đảng ở Quảng

---

các lực lượng Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo..., đã nổi lên chống Diệm ở Nam Bộ. Cùng thời gian đó, Quốc dân đảng ở Quảng Nam cũng ly khai chống Diệm, lấy Tiên Phước làm trung tâm, chúng vừa chống Diệm, vừa chống Cộng, chống Nhân dân. Mãi đến tháng 11 - 1955, do bị cô lập, chúng đã kéo quân ra đầu hàng Diệm.

1. Lễ đâm trâu tế thần, cầu yên hàng năm.

Nam phải đầu hàng, dịch tập trung cao độ thực hiện quốc sách “*tố cộng, diệt cộng*” như mở liên tiếp các chiến dịch “*Thanh minh tố cộng*”, “*càn quét vi trùng cộng sản*”, tấn công quyết liệt vào các tổ chức Đảng, khủng bố phong trào đấu tranh của Nhân dân. Nham hiểm hơn là việc chúng cho bọn tay chân trà trộn vào các lớp “*cải huấn*”, “*tố cộng*” để phát hiện đảng viên, cán bộ cốt cán của ta; theo dõi thái độ từng học viên và kích động Nhân dân khai báo, ly gián quần chúng, đảng viên, tung tin người này khai báo người kia gây nghi kỵ lẫn nhau. Dùng biện pháp “*dĩ Đảng trị Đảng*”, “*dĩ dân trị dân*”, “*tự tố tha tố*”, bắt học viên đánh học viên. Ngoài ra, chúng còn sử dụng một số thành phần xấu trong các tôn giáo, tiến hành các hoạt động khiêu khích, tạo thành kiến và gây chia rẽ đồng bào lương giáo.

Không khí khủng bố bao trùm, căng thẳng. Đối với những gia đình có người tập kết hoặc thoát ly, chúng bắt vợ phải ly dị chồng, cha phải từ con, anh em phải từ nhau, làm cho cha không dám nhìn con, vợ không dám nhìn chồng, anh em không dám nhìn nhau. Chúng vừa khủng bố, vừa lừa bịp mua chuộc, âm mưu biến ý chí cách mạng của Nhân dân thành sợ sệt cầu an, thủ phận làm ăn.

Để uy hiếp tinh thần những người bị bắt và tạo ra sự sợ hãi trong quần chúng, dịch đưa một số tên đầu hàng phản bội tố cáo Đảng, xuyên tạc chủ trương, đường lối cách mạng, xé cờ Đảng và ảnh Bác Hồ, tham gia tra tấn, thẩm vấn những người bị bắt. Cách thức tra tấn của Mỹ - Diệm còn dã man hơn cả thời trung cổ, chúng dùng đinh đóng vào các khớp xương, treo người lên xà nhà, đổ nước xà phòng, tra điện... Tại các trung tâm cải huấn, hằng đêm dịch bắt người “*sám hối*” phải đứng, hoặc quỳ lên

những chồng gạch xếp cao chên vên, dưới đất có cắm chông sắt nhiều ngạnh, mắt nhìn thẳng vào ảnh Ngô Đình Diệm, bên cạnh một ngọn đèn điện công suất hàng 100 oát. Trong phòng “*sám hối*” còn có hương, trầm, khói xông lên ngạt thở. Người bị “*sám hối*” phải đứng liên tục nhiều giờ trong điều kiện như vậy, nhiều người không chịu nổi đã ngất xỉu, có người đứng lâu cơ bắp tê mỏi buộc phải cựa mình, thế là bị tay chân Diệm tra tấn, đánh đập, ngã nhào bị chông đâm rách da thịt.

Tội ác man rợ, đẫm máu của quân Mỹ - Diệm trong các đợt huấn chính tổ cộng diễn ra trên đất Quảng Nam không bút mực nào có thể tả xiết.

Ngày 22 - 10 - 1956, dưới chiêu bài chính phủ cách mạng quốc gia, Ngô Đình Diệm ra chỉ dụ số 57 thực hiện chương trình “*cải cách điền địa*”, nhằm lấy lại ruộng đất mà cách mạng đã giao cho nông dân trong kháng chiến, lập ra các khu “*dinh điền*”<sup>1</sup>, khu “*trù mật*”<sup>2</sup> vừa là tổ chức mang tính chất kinh tế nhằm bóc lột Nhân dân, vừa là tổ chức chính trị - quân sự để kìm kẹp, khống chế Nhân dân nhằm tách họ khỏi cách mạng, “*tát nước bắt cá*” như chúng đã huênh hoang tuyên bố. Mặt khác, địch tập trung truy bức các gia đình có quan hệ với cách mạng, những ai trong diện nghi ngờ chúng đều bắt đưa đi kinh tế mới ở Tây Nguyên. Thực hiện chính sách này, Mỹ - Diệm đã làm xáo trộn cơ cấu xã hội nông thôn đồng bằng, làm thay đổi các địa bàn dân cư, qua đó phá vỡ các tổ chức cách mạng.

---

1. Đây là những trại tập trung được xây dựng ở những vùng xa xôi, hẻo lánh để giam giữ những người kháng chiến và gia đình cách mạng xen lẫn với đồng bào Thiên Chúa giáo di cư.

2. Đây cũng là những trại tập trung được dựng lên ở những khu vực thuận tiện giao thông, gần các căn cứ quân sự... để gom dân từ các địa bàn nhỏ lẻ, hiểm trở, đường sá đi lại khó khăn về tập trung quản chế.

Tư tưởng bao trùm, chỉ đạo mọi hoạt động của chính quyền Ngô Đình Diệm là chống cộng. Vũ khí tư tưởng mà bọn chúng sử dụng để chống cộng, tức chống lại Nhân dân đó là *chủ nghĩa nhân vị*<sup>1</sup>, một học thuyết duy tâm nhằm thủ tiêu tinh thần đấu tranh của quần chúng, một thứ triết học phản động được Diệm - Nhu khai thác và sử dụng. Dưới chính quyền Diệm, chủ nghĩa nhân vị được giảng dạy ở đại học, do các linh mục phụ trách. Tại Vĩnh Long, chúng lập Trung tâm huấn luyện nhân vị, viên chức nguy quyền từ trung ương đến địa phương trong cả miền Nam đều bị bắt buộc phải về thụ huấn tại trung tâm này, nhằm để “*am tường*” chủ nghĩa nhân vị, nhưng khi về đây họ bị bắt ép học tập giáo lý Thiên Chúa giáo và dụ dỗ hoặc mua chuộc họ vào Thiên Chúa giáo. Sau đó, chủ nghĩa nhân vị được tay chân Diệm đưa xuống nông thôn thông qua các đợt “*chỉnh huấn*” và các lớp học “*tố cộng*”, “*diệt cộng*”, đã gây ra bao nỗi thống khổ cho người dân vô tội. Rất nhiều trường hợp bị chính quyền Ngô Đình Diệm buộc phải “*cải đạo*” qua Thiên Chúa giáo, nếu không thì đủ mọi thứ tai ương sẽ ập đến.

Từ năm 1958 trở đi, địch tập trung đánh phá phong trào cách mạng ngày càng khốc liệt hơn. Ngày 23 - 3 - 1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến

---

1. Chủ nghĩa nhân vị (Personalism) do Muniê (một trí thức Thiên Chúa giáo) xây dựng. Đại khái như sau: Nhân vị là vị thể con người, lấy con người làm giao điểm trong trục tương quan với đồng loại, thiên nhiên và Thượng đế. Người là trung tâm để phục vụ, có ưu điểm hơn các thực thể khác như dân tộc, nhân loại hay nhu cầu vật chất. Con người có phần hồn lẫn phần xác, mà linh hồn được coi là chủ yếu hơn vì linh thiêng, bất tử và là nguồn gốc của văn minh. Tinh thần có tính thiêng liêng vì do Thượng đế tạo ra và có khả năng vươn lên cảm thông với thượng đế. Ngô Đình Nhu tiếp thu chủ nghĩa nhân vị, góp nhặt mỗi thứ một ít, từ giáo lý Thiên Chúa giáo đến chủ nghĩa nhân vị của Muniê, pha trộn thêm thuyết nhân ái của Khổng Tử, cộng thêm vài nét của chủ nghĩa tư bản lẫn lộn với chủ nghĩa duy linh chống Cộng.



tranh. Tháng 5 - 1959, Ngô Đình Diệm ban hành luật 10/59, đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, lê máy chém đi khắp miền Nam, thực hiện triệt để khẩu hiệu “*giết nhằm hơn bỏ sót*”, nghiêm cấm tất cả các hoạt động hội họp, tụ tập đông người với bất cứ lý do nào; đồng thời ra sức bắt lính đôn quân, tăng cường càn quét, lùng bắt cán bộ đảng viên, đe dọa, trấn áp quần chúng Nhân dân.

Trên địa bàn Quảng Nam, địch dùng đủ mọi biện pháp để tăng cường việc truy lùng, vây bắt cán bộ như tổ chức phục kích khắp các nẻo đường; tung bọn dân vệ, điệp báo đóng giả làm người khai thác gỗ, thợ săn vào rừng tìm tung tích cán bộ và các cơ quan của ta, kể cả việc treo giải thưởng cao cho những ai cung cấp thông tin về số cán bộ, đảng viên còn lại của ta.

## **2. Chủ trương của Đảng và cuộc đấu tranh của các tầng lớp Nhân dân đòi thi hành Hiệp định Genève, chống “*tổ cộng, diệt cộng*”, bảo tồn lực lượng cách mạng (1954 - 1958)**

Ngay từ khi Hội nghị Genève đi vào hồi kết, ngày 17-7-1954, Đảng ta đã nhận định: “*Đế quốc Mỹ là trở lực chính ngăn cản việc lập lại hoà bình ở Đông Dương..., và hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của Nhân dân Đông Dương*”<sup>1</sup>. Đồng thời đề ra chủ trương: “*Thay đổi phương châm, chính sách và sách lược đấu tranh cốt để thực hiện một cách thuận lợi mục đích trước mắt. Đây là một sự thay đổi quan trọng về phương châm và sách lược cách mạng, nhưng mục đích của cách mạng vẫn là một*”<sup>2</sup>.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và căn cứ vào đặc điểm tình hình của tỉnh, đầu tháng 8 - 1954, Tỉnh ủy triệu tập

1. *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 15 (1954), Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, trang 225.

2. *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 15 (1954), trang 226.

hội nghị mở rộng tại Chiên Đàn (Phú Ninh) quyết định: Mở đợt học tập cho cán bộ, Nhân dân nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, ổn định tình hình Nhân dân, tạo ra khối đoàn kết để đối phó với các âm mưu, thủ đoạn của địch, sắp xếp lại tổ chức và chuyển hướng hoạt động cho phù hợp với tình hình mới.

Về tổ chức, Tỉnh uỷ giải thể bộ máy lãnh đạo kháng chiến các cấp, chuyển tổ chức Đảng vào hoạt động bí mật. Mặt trận Liên Việt và các tổ chức quần chúng được sắp xếp lại, chuyển thành các tổ chức hợp pháp. Ở nông thôn thành lập các nhóm phòng gian, chống cướp, tổ đổi công, vòng công, hội tương tế... Ở thành phố, thị xã có tổ chức nghiệp đoàn, phụ nữ, thanh niên, học sinh và tổ trung kiên làm nòng cốt trong các phong trào. Các tổ chức này đều có đảng viên<sup>1</sup>, cán bộ làm nòng cốt hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi các quyền lợi về dân sinh, dân chủ. Tại Tam Kỳ, Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ ra hoạt động công khai. Hầu hết hội viên trong các tổ chức đoàn thể trước đây và Nhân dân trong tỉnh cũng được tổ chức đảng phổ biến đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ mới, hướng dẫn dựa vào các điều khoản của Hiệp định Genève để làm cơ sở pháp lý đấu tranh với địch.

Như vậy, về danh nghĩa công khai ở miền Nam nói chung, tỉnh Quảng Nam nói riêng, lúc này không có bất cứ một tổ chức nào có liên quan đến cộng sản làm đại diện cho Nhân dân, lãnh đạo Nhân dân chống lại sự khủng bố, đàn áp của kẻ thù. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng bí mật, mọi tầng

---

1. Trong các tổ chức xã hội, nghề nghiệp được ta lập ra trong thời gian này, bên cạnh các đảng viên trung kiên, chi bộ xem xét chuyển toàn bộ số đảng viên không được sắp xếp vào chi bộ mới và đại bộ phận dân quân du kích xã, thôn sang hoạt động trong các tổ chức quần chúng.

lớp Nhân dân vẫn được tập hợp vào mặt trận đấu tranh chống Mỹ - Diệm trước sự ngoan cố, độc tài, tàn bạo của chúng.

Đây là bước ngoặt lịch sử trong đời sống chính trị của cả miền Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng. Thế và lực của cách mạng đột ngột thay đổi, từ chỗ cách mạng công khai làm chủ cả một địa bàn rộng lớn, với một hệ thống chính trị vững mạnh từ huyện đến cơ sở bao gồm Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể chính trị - xã hội được dân tin yêu, nay vì lợi ích chung của cả nước, buộc phải tạm thời bàn giao lại cho đối phương, chuyển quân tập kết; giải thể chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể từ trên xuống, chuyển giao quyền quản lý lãnh thổ lại cho địch; toàn bộ hoạt động của cách mạng phải chuyển sang phương thức bí mật, bất hợp pháp. Nhân dân Quảng Nam từng là người đã giành được tự do nay quay trở lại kiếp sống nô lệ, lầm than cơ cực dưới ách cai trị của chính quyền thực dân mới và bè lũ tay sai bán nước. Đây là sự đảo lộn lớn và là một tình thế nguy hiểm đối với cách mạng. Sự thay đổi đó tác động mạnh đến tâm tư, tình cảm của đồng bào, đồng chí và đặt ra cho cách mạng những nhiệm vụ mới vô cùng khó khăn. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “... *Vùng xưa nay tự do mà nay địch sẽ đến tạm đóng thì đồng bào vùng ấy thắc mắc, có người sẽ bị quan thất vọng, dễ bị địch lợi dụng. Ta phải nói cho đồng bào biết rõ: Vì lợi ích toàn quốc, vì lợi ích lâu dài mà tạm thời phải chịu đựng, đó là một điều vẻ vang, toàn quốc đều biết ơn. Tâm tư của cán bộ chiến sĩ cũng như nhân dân bản khoả xúc động chỉ tiếc là đang thắng lợi dồn dập, địch đang thua to mà phải ngừng chiến, chuyển quân tập kết*”<sup>1</sup>. Nhưng với lòng tin tuyệt đối vào

1. *Quảng Nam - Đà Nẵng 30 năm chiến đấu và chiến thắng*, Nxb. QĐND, 1985, trang 252.

Trung ương Đảng và Bác Hồ, cán bộ và Nhân dân Quảng Nam cũng như cả miền Nam nói chung đã chấp hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève. Trước lúc cán bộ và lực lượng vũ trang rời quê hương đi tập kết, tại sân vận động Tam Kỳ (nay là khu vực trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng), Tỉnh uỷ đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn, vừa mừng chiến thắng; vừa đề đồng bào, đồng chí tiễn đưa cán bộ, bộ đội lên đường đi tập kết.

Đến ngày 30 - 8 - 1954, ở Quảng Nam về cơ bản các đơn vị bộ đội và một số ít cán bộ, học sinh đã hoàn thành việc tập trung về An Tân (Núi Thành), sau đó tiếp tục vào Quy Nhơn để tập kết ra miền Bắc. Những người ở lại tìm mọi cách sống hợp pháp để có thể tiếp xúc, vận động và hướng dẫn quần chúng đấu tranh hợp pháp đòi đòi phương thi hành Hiệp định Genève để sau 2 năm thì “*hiệp thương tổng tuyển cử*”.

Ngày 31 - 5 - 1955, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra chủ trương tập hợp tối đa đại đa số quần chúng thành một mặt trận rộng rãi để đấu tranh thực hiện hiệp thương thống nhất Bắc - Nam. Chỉ thị số 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc phát động quần chúng đấu tranh đòi thực hiện Hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc đã cụ thể hóa nhiệm vụ công tác Mặt trận giữa hai miền. Cuộc đấu tranh ở miền Nam phải dựa vào sức mạnh của quần chúng làm căn bản, tập hợp đa số quần chúng thành một mặt trận rộng rãi, bao gồm các tầng lớp Nhân dân, bao gồm các đảng phái, tôn giáo, các xu hướng, miễn là tán thành hòa bình, thống nhất, chống Mỹ - Diệm nhằm đòi thực hiện Hội nghị hiệp thương đúng thời gian quy định. Nhiệm vụ trước mắt là phát động phong trào đấu tranh chính trị lên một mức độ cao hơn; kết hợp các cuộc đấu tranh này với đấu tranh đòi tự do, dân chủ, chống đàn áp, khủng bố. Trong

quá trình đấu tranh phải củng cố, mở rộng Mặt trận Dân tộc Thống nhất và cơ sở Đảng. Về sách lược đấu tranh, Chỉ thị nêu rõ phải triệt để phân hóa và lợi dụng các loại mâu thuẫn giữa Mỹ - Pháp, bọn thân Mỹ, bọn thân Pháp, triệt để phân hóa và lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ chúng, đoàn kết tất cả những người có thể đoàn kết được; tranh thủ, tập hợp tất cả những người nào có thể tranh thủ được. Trong vận dụng sách lược ta phải nhân nhượng những quyền lợi kinh tế, chính trị đúng mức, nhưng không để mất lập trường, mất nguyên tắc...

Từ ngày 5 đến ngày 10 - 9 - 1955, tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội Mặt trận Dân tộc Thống nhất toàn quốc quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thông qua Cương lĩnh 10 điểm và tuyên bố Mặt trận Liên Việt đã hoàn thành nhiệm vụ, từ nay sẽ hòa mình trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, do điều kiện cụ thể của cách mạng 2 miền Nam Bắc, trên thực tế từ sau tháng 9 - 1955 ta chỉ mới vận động thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các địa phương thuộc miền Bắc. Còn ở miền Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng, công tác Mặt trận nằm chung trong công tác Dân vận của Đảng.

Từ ngày 9 đến ngày 18 - 10 - 1955, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương tuyên truyền, phổ biến thực hiện Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để chống lại việc “*trung cầu dân ý*” của bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Ban Bí thư chỉ rõ cần đẩy mạnh tuyên truyền cho Nhân dân nhận rõ âm mưu của Diệm, vạch trần những thủ đoạn mỉa mai lừa gạt thanh niên bằng những công trình cải cách xã hội, thông qua báo chí công khai để vạch mặt Mỹ - Diệm trong việc trung cầu dân ý; vận động Nhân dân mít tinh, mở hội nghị, xé truyền đơn, xé băng khẩu hiệu; đồng thời xuất bản một số tờ

báo bí mật để giải thích cho đảng viên và quần chúng hiểu rõ âm mưu của địch. Trong cuộc đấu tranh chống trung cầu dân ý, phải tinh táo, không được chủ quan khinh địch, có kế hoạch đề phòng khủng bố, phải đấu tranh thắng lợi và giữ vững lực lượng của ta.

Tiếp đến, ngày 18 - 10 - 1955, Ban Bí thư lại ra Chỉ thị số 42 - CT/TW nhận định: Do những mâu thuẫn về quyền lợi giữa các phe phái là điều kiện tốt để ta tập hợp rộng rãi các tầng lớp Nhân dân theo bản Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đẩy mạnh cuộc đấu tranh giành thống nhất nước nhà. Chủ trương của ta là trên cơ sở Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mà tập hợp rộng rãi mọi lực lượng chống Mỹ - Diệm, kết hợp chống trung cầu ý dân, chống tuyên cử Quốc hội bù nhìn với việc tuyên truyền, phổ biến và thực hiện Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng với việc chuyển hướng, sắp xếp tổ chức, phong trào đấu tranh chính trị của Nhân dân tỉnh ta nổ ra mạnh mẽ ở nhiều nơi, lôi cuốn nhiều tầng lớp Nhân dân tham gia.

Theo chỉ đạo của Đảng, Nhân dân trong tỉnh đấu tranh với địch theo phương châm “*có lý, có lợi, có mức*”. Ở Phiếm Ái (Đại Lộc), khi địch sát hại chị Nguyễn Thị Thơ - người lãnh đạo quần chúng phản đối địch bắt người, cướp phá tài sản. Bà con đã khiêng xác chị xuống quận đấu tranh, buộc chúng phải đứng ra xin lỗi và bồi thường nhân mạng, chăm sóc người bị thương. Hàng ngàn dân Đại Hòa (Đại Lộc), Hà Mật (Điện Bàn), Chiên Đàn (Phú Ninh)..., tập trung phản đối địch vi phạm hiệp định Genève, lên án sự lộng hành. Tại Tam Quang

(Núi Thành), Nhân dân tổ chức vót xác 2 cán bộ xã Tam Hải bị chúng thả xuống biển, làm bằng chứng tố cáo tội ác của chúng trước Ủy hội quốc tế.

Phong trào chống Diệm tổ chức “*trưng cầu dân ý*”(23 - 10 - 1955) phẩy truất Bảo Đại, đưa Diệm lên làm tổng thống, được Nhân dân Quảng Nam hưởng ứng mạnh mẽ bằng cách vạch mặt quá trình làm tay sai của Ngô Đình Diệm và thực hiện khẩu hiệu “*xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ túi quần*”<sup>1</sup>. Ngoài ra, phong trào đấu tranh đòi quyền “*tự do dân chủ*” và các quyền lợi kinh tế, phản đối chính sách áp bức bóc lột của Mỹ - Diệm cũng diễn ra sôi nổi ở nhiều địa phương như Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên...

Ở miền núi, đồng bào ở các nóc, dựa vào các phong tục tập quán, phao tin “*giặc mùa*”, ngải nghệ, thú rừng, nước độc để dọa địch. Họ nói: “*quốc gia đã vi phạm tục kiêng cử của đồng bào, đồng bào sẽ bỏ làng kéo vào rừng chống lại*”, hoặc “*quốc gia tốt thì không được làm bậy, nếu làm bậy thì phải thế mạng*”. Diễn hình như Nhân dân làng Bharvang (Bến Hiên) phao tin đang có “*giặc mùa*” và nửa đêm nổi dậy reo hò, vác gươm ra đón các ngả đường, làm cho địch sợ phải rút lui, bọn còn ở lại không dám lúng sục vào làng. Địch bắt treo ảnh Ngô Đình Diệm giữa nhà, đồng bào đem ảnh Diệm treo trên giàn bếp và trả lời với địch: Phong tục của đồng bào cái gì quý đều treo ở giàn bếp. Địch biết đó là hành động coi thường Diệm, nhưng không làm gì được đồng bào. Mặt khác, để chống lại chính sách chia rẽ của địch, đồng bào đã tổ chức Đại hội đoàn kết giữ các dân tộc trong làng và giữa các làng với nhau. Trong Đại hội, mỗi làng báo cáo những thành tích đạt được về việc

1. Ngô Đình Diệm vận động “*xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ thùng*”, phiếu xanh là phiếu của Bảo Đại, đỏ là phiếu của Diệm. Ta vận động phiếu Bảo Đại bỏ giỏ, phiếu Diệm bỏ túi quần.

nuôi dưỡng cán bộ, tăng gia sản xuất, học văn hóa và giao ước thi đua: “*Trong làng nếu người nào theo địch thì làng đó xử, nếu làng theo giặc thì làng khác xử*”.

Đầu năm 1956, ta phát động phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Tiêu biểu ở một số nơi như Điện Bàn ta tập hợp được 2.000 bản kiến nghị, xã Quế Xuân (Quế Sơn) có 16.000 trên 24.000 dân trong xã ký kiến nghị; Nhân dân Bình Dương, Bình Giang (Thăng Bình) tham gia thảo luận đòi nhà cầm quyền miền Nam hiệp thương với miền Bắc và ký kiến nghị gửi lên ngụy quyền quận, tỉnh. Ở Đại Lộc, hội đồng hương chính xã Đại Phong đứng ra cảnh giới, bảo vệ cho Nhân dân ký kiến nghị. Các bản kiến nghị được gửi theo đường bưu điện, hoặc cử người mang trực tiếp đến Ủy hội quốc tế và cơ quan ngụy quyền. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử kéo dài đến tháng 7 - 1956 mới chấm dứt<sup>1</sup>.

Cuối năm 1956, trước tình hình cán bộ bắt hợp pháp hoạt động ngày càng khó khăn, thực hiện chủ trương của Liên khu ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuyển một số cán bộ ra hoạt động hợp pháp để bám phong trào. Tất nhiên đây là vấn đề rất khó khăn, có những cán bộ chuẩn bị ba, bốn tháng mà vẫn không ra được. Một bộ phận phải chuyển ra Huế, Quảng Trị, hoặc vào Sài Gòn hoạt động để lại liên lạc với tỉnh. Nhưng hầu hết số cán bộ này đều bị địch phát hiện và theo dõi. Nhiều cán bộ chuyển đi xa không liên lạc lại được. Cán bộ trong tỉnh tiếp tục bị tổn thất. Tháng 7 - 1958, cơ quan Tỉnh ủy chuyển từ Trung Mang (nay thuộc huyện Đông Giang) lên đóng tại thôn Phghi (Nam Giang).

---

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 380.



Phong trào ở đồng bằng gặp phải những khó khăn cực kỳ nghiêm trọng. Những vùng giáp ranh núi, cán bộ hoạt động theo “*tuần trăng*”, những đêm tối trời về địa phương xây dựng cơ sở, những đêm trăng sáng lại lên núi. Phương thức hoạt động là “*đi không dấu, nấu không khói, nói không ra tiếng*”. Trong hành trang của người cán bộ luôn luôn có tấm ni lông đi mưa để làm phao bơi qua các sông suối. Tại đồng bằng, cán bộ được Nhân dân đùm bọc che giấu bằng hầm bí mật trong nhà hoặc ở ngoài sân, vườn; hoặc cán bộ phải bí mật tự đào hầm ngoài bờ ruộng, rặng tre, cồn cát để giấu mình, tối lại bắt liên lạc với cơ sở. Sự lãnh đạo của tỉnh đối với huyện, huyện đối với xã trong thời gian này có lúc bị đứt liên lạc, hơn một ngàn cán bộ Quảng Nam - Đà Nẵng bị lưu đày tại nhà tù Côn Đảo, nhà lao Thông Đẳng (Hội An), nhà lao Kho Đạn - Chợ Cồn (Đà Nẵng).

Trong gian khổ đấu tranh đã xuất hiện nhiều tấm gương kiên cường, bất khuất trước quân thù, nhất quyết không ly khai xé cờ Đảng, đầu hàng địch, giữ vững khí tiết, một lòng một dạ bảo vệ Đảng, bảo vệ phong trào như các ông Cao Sơn Pháo (Phó Bí thư Tỉnh ủy), Trương Vạn (Huyện ủy viên Đại Lộc), Nguyễn Liệu (Tiên Phước); Đinh Tùng, bà Trần Thị Lý (Điện Bàn), ông Đoàn Nghiên (Đại Lộc)... Những bà mẹ như Nguyễn Thị Thứ, Dương Thị Ngạt, Nguyễn Thị Thuận (Hội An)..., cùng hàng ngàn bà con khác bao lần bị địch bắt đi học “*tố cộng*”, hành hạ, tra tấn nhưng vẫn không khai báo, khi địch thả về lại tiếp tục hoạt động, giúp đỡ cách mạng. Nhiều cơ sở đứt liên lạc với Đảng nhưng vẫn âm thầm hoạt động, nuôi giấu cán bộ nằm vùng. Địch theo dõi từng hũ gạo trong nhà, từng gói cơm mang theo ra đồng khi đi làm, nhưng Nhân dân vẫn có cách để tiếp tế cho cán bộ. Các gia đình “*tình nghi can cứu*”

có nhiều kinh nghiệm trong chống “*tố cộng*” và là chỗ dựa của phong trào cách mạng. Sự đóng góp của Nhân dân, đặc biệt vai trò của phụ nữ là một trong những nhân tố quan trọng góp phần duy trì sự tồn tại của tổ chức Đảng ở cơ sở.

Diễn hình như mẹ Phạm Thị Cộng - Một người mẹ nghèo sống dưới chân núi Bồ Bồ (Điện Tiến, Điện Bàn), vẫn hằng thức trắng đêm chăm chú theo dõi từng động tĩnh của quân thù, để mỗi khi ngọn đèn nơi ngõ nhà mẹ thấp sáng, tức là mẹ Cộng đã báo yên, cán bộ của ta từ trên núi có thể yên tâm lên đường về với dân. Đất Quảng trong những năm tháng ấy có hàng vạn người dân trụ bám giữa lòng địch như mẹ Cộng và mỗi người dân trụ bám như ngọn đèn soi sáng cho cán bộ, đảng viên lần tìm lại lối đi ra khỏi hiểm nguy để tiếp tục sống và hoạt động cách mạng.

Song song với cuộc đấu tranh chống địch “*tố cộng*”, là cuộc đấu tranh chống việc thành lập các khu “*đình điền*”, khu “*trù mật*” của Mỹ - Diệm. Nhân dân Duy Xuyên, Điện Bàn, Tam Kỳ... tuyên bố thà chết chứ không đi “*đình điền*”, họ ôm kỹ cột nhà, nhảy xuống xe khi bị chúng bắt, kiên quyết phản đối việc dồn dân lập làng kiểu mẫu, thậm chí dùng cả vũ lực để chống lại sự cưỡng bức của địch.

Đảng ta chủ trương xây dựng miền núi thành căn cứ địa cách mạng lâu dài, toàn diện và vững chắc. Muốn vậy, trước tiên phải có đội ngũ cán bộ tại chỗ biết chữ, để tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng đến với quần chúng. Năm 1956, Ban Cán sự miền Tây Quảng Nam và Huyện ủy Bến Giằng giao cho các ông Trần Tường, Lê Văn Nam (Cánh Yêm), Lê Hồng Mao (Cánh Ta Lãng) - những cán bộ người Kinh am hiểu tiếng Cotu, dưới sự chỉ đạo của ông Quách Xuân (Cánh Axóop)

ngiên cứu, phiên âm tiếng Cotu thành chữ viết và mở lớp dạy thử tại khe Avur với 12 học sinh người dân tộc theo học. Sau rút kinh nghiệm chỉnh lý, hoàn chỉnh bộ vần Cotu, qua đó ta tiếp tục mở một lớp học tại khe Zhuong, sau 4 tháng học tập 82/84 học sinh đều biết đọc, biết viết chữ Cotu, phong trào học vần Cotu từ đó dấy lên nhiều nơi.

Tháng 6 - 1957, Huyện ủy Bến Hiên và Huyện ủy Bến Giằng trao đổi với Ban Cán sự miền Tây Quảng Nam tổ chức mở lớp học vần Cotu và cử 2 ông Cánh Ta Lãng, Cánh Yêm cùng với 4 học sinh giỏi của trường Zhuong qua giúp Bến Hiên tổ chức và khai giảng khóa học đầu tiên tại trường Gó (xã Za'hung, huyện Đông Giang hiện nay), lớp có 75 học sinh, do ông Cánh Ta Lãng phụ trách; trường A pát T'ghêy (xã Avuong, huyện Tây Giang hiện nay) có 69 học sinh, trong đó có 6 học sinh ở Thừa Thiên - Huế gửi vào học, lớp này do ông Cánh Yêm phụ trách. Khi mãn khóa cán bộ và Nhân dân đến chứng kiến rất đông và tận mắt thấy được những người con của dân tộc Cotu, như Cánh Cơ Đông lớp trưởng và em gái ALãng Chốt thay mặt học sinh đọc cảm tưởng bằng giấy trắng mực đen, bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình. Đồng bào rất ngạc nhiên và rất phấn khởi, ông Phạm Tứ (Mười Khôi) - Phó Bí thư Tỉnh ủy đến dự lễ bế giảng và phát biểu: *“Trước đây đồng bào ta bị thực dân phong kiến áp bức, bóc lột. Đảng đem lại văn minh cho đồng bào, người Cotu đã có chữ viết, chúng ta phải phát huy những điều lợi ích mà Đảng đã đem lại để làm cho đồng bào ta mau tiến bộ, ấm no, tích cực xây dựng căn cứ miền núi góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*. Sau đó số học sinh này trở về làng, xã của mình, các vị già làng và bà con phấn khởi tổ chức ăn mừng đón chữ Bác Hồ, mừng cho làng mình, dân tộc mình có chữ. Từ đó về sau,

hiều lớp học tiếp tục mở rộng ra khắp huyện, vẫn chữ Cotu tiếp tục được chỉnh lý, hoàn chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế, không những đáp ứng được yêu cầu học chữ của người Cotu, mà còn cho cả các cán bộ người Kinh hoạt động trên địa bàn miền núi<sup>1</sup>.

Từ thành công phiên âm chữ Cotu, Ban Cán sự miền Tây tiếp tục thực hiện chủ trương phiên âm chữ Cadong. Huyện ủy Trà My mở trường dạy chữ Cadong tại Takpỏ, sau đó phổ biến rộng ra các xã. Khi đồng bào biết chữ, Ban Cán sự miền Tây ra tờ báo “*Gung Dur*” (Vùng lên), in song ngữ bằng chữ phổ thông và chữ Cotu, tờ “*Pruduong*” cũng bằng song ngữ phổ thông và Cadong để tuyên truyền chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng đến tận các bản làng. Chỉ tính riêng 2 năm 1957 - 1958, các trường dạy chữ Cotu, Cadong đã đào tạo trên 300 cán bộ, phục vụ cho phong trào cách mạng miền núi. Việc đồng bào Cotu, Cadong có chữ viết đã góp phần làm thay đổi đời sống văn hóa ở miền núi. Buổi tối thanh thiếu niên đốt lửa học chữ, tiếng đánh vần râm ran khắp các thôn, nóc. Thanh niên nam nữ dùng chữ để viết thư cho nhau, chép những bản nhạc cách mạng để hát và quan trọng hơn là từ đó ở những cơ sở cách mạng người dân tộc thiểu số và cán bộ người Kinh công tác ở miền núi đã có thể trao đổi, liên lạc, hướng dẫn công tác cho nhau bằng chính tiếng mẹ đẻ của người Cadong, Cotu.

Có thể nói, trong khi phong trào cách mạng ở đồng bằng đang gặp nhiều khó khăn, thì phong trào ở miền núi vẫn được giữ vững và phát triển. Miền núi thực sự trở thành chỗ dựa để

---

1. Bờ riu Liếc, *Tiếng thông dụng Cotu - Kinh và văn hóa làng Cotu*, xuất bản tháng 3 - 2006, trang 11 - 13.

chúng ta tiếp thu Nghị quyết 15 của Trung ương, chuyển phong trào cách mạng sang thời kỳ mới.

### **3. Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Nhân dân Quảng Nam nổi dậy đấu tranh chống Mỹ - ngụy (1959 - 1960)**

Tháng 1 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đề ra đường lối phát triển của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân... Đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền của Nhân dân, đồng thời đề ra chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất riêng cho miền Nam.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 cũng chỉ rõ: “Đảng phải đẩy mạnh công tác dân vận, tiến tới thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất chống Mỹ - Diệt thật rộng rãi. Mặt trận ở miền Nam phải nhằm tập hợp mọi lực lượng Nhân dân miền Nam chung quanh các yêu cầu cấp bách nhất ở miền Nam. Mặt trận ở miền Nam tuy là riêng chỉ miền Nam, không nằm trong Mặt trận Tổ quốc, nhưng cùng thực hiện mục tiêu chung với Mặt trận Tổ quốc là nhằm xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và phải do Đảng lãnh đạo”<sup>1</sup>.

Nghị quyết 15 của Đảng có ý nghĩa trọng đại đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam nói chung và Quảng Nam nói riêng, mở hướng kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và nổi dậy giành quyền làm chủ.

1. Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 20, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, trang 196.



*Đông bào các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Nam - Đà Nẵng biểu tình chống chế độ Mỹ - Diệm (1959)*

Ngay sau khi Đảng ta có Nghị quyết 15, Mỹ - Diệm liền đưa ra luật 10/59, “*loại cộng sản ra ngoài vòng pháp luật*”, kéo lê máy chém đi khắp nơi, thực hiện phương châm “*Giết làm hơn bỏ sót*”... Đây là đỉnh cao hành động phát xít của chính quyền Mỹ - Diệm, tiếp tục gây đau thương tang tóc cho đồng bào và đặt phong trào cách mạng ở miền Nam vào những khó khăn mới.

Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, từ tháng 3 - 1959, địch mở liên tiếp nhiều cuộc càn quét, lùng sục vào vùng giáp ranh và miền núi, truy tìm gặt gao việc ăn, ở, đi lại của cán bộ, cắt đứt việc Nhân dân tiếp tế cho cách mạng. Trước tình hình đó, quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (1 - 1960) họp tại thôn Adhur (A Duân), bên bờ sông A Vương đã đề ra chủ trương: Tạo mọi điều kiện để tiến công vào hàng ngũ địch, hạ uy thế, phá thế kìm kẹp, mở rộng

và phát triển lực lượng cách mạng xuống đồng bằng, xây dựng miền núi vững mạnh về mọi mặt, làm căn cứ địa cho phong trào cách mạng toàn tỉnh. Tại Đại hội này, ông Trương Chí Cương được Liên Khu uỷ 5 chỉ định làm Bí thư Tỉnh uỷ, đến cuối năm 1960, ông Trương Chí Cương về Liên Khu, ông Phạm Tứ (Mười Khôi) làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Sau thời gian dài bị địch đánh phá tàn khốc, ở vùng đồng bằng và đô thị số đảng viên còn lại rất ít, nhiều vùng trắng cơ sở cách mạng; tư tưởng của quần chúng diễn biến rất phức tạp. Bởi vậy, việc móc nối, liên lạc với các cơ sở cũ, cũng như việc vận động gây dựng cơ sở mới không đơn giản, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự linh hoạt, sáng tạo, tìm tòi các biện pháp thích hợp nhất để tiếp xúc với quần chúng, tuyên truyền, vận động quần chúng nắm bắt chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng, từ đó gây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức Nhân dân thực hiện. Để tiếp cận với cơ sở, cán bộ ta phải sử dụng phương thức “*bắt rết xâu chuỗi*”, “*đi vòng*”, “*nhảy vọt*” để liên lạc. Đối với những vùng trắng cơ sở, cán bộ ta phải dựa vào quan hệ bà con, bạn bè để thăm dò, điều tra và bắt mối. Phần lớn cơ sở lúc này là những đối tượng địch “*tình nghi can cứu*” đã từng bị bắt giam, đứt liên lạc với Đảng trong thời gian dài, nay được cán bộ về bắt liên lạc giao nhiệm vụ hoạt động lại. Những đảng viên tốt và tích cực hoạt động được tập hợp lại thành chi bộ nhỏ, bí mật, hoặc sinh hoạt đơn tuyến với cán bộ thoát ly. Trên cơ sở đó, phong trào cách mạng từng bước được phục hồi, phát triển.

Ngay cả việc rút thanh niên lên căn cứ để xây dựng lực lượng vũ trang trong thời gian đầu cũng gặp rất nhiều vấn đề nan giải, bởi địch kìm kẹp rất chặt, mỗi khi phát hiện cán bộ về

làng là chúng bắt dân phải đánh mõ, la làng, đốt đuốc sáng rực cả xóm làng để chúng truy bắt... Tuy nhiên, nhiều gia đình cách mạng vẫn không nao núng, lấy cớ đưa con em vào rừng đốn củi, xin đi nơi khác làm ăn để lên căn cứ, tham gia lực lượng vũ trang cách mạng. Khi phong trào diệt ác phá kìm mở ra, thanh niên lên núi ngày càng đông, đặc biệt là thanh niên các huyện Điện Bàn, Tam Kỳ, Hòa Vang. Xã Kỳ Xuân (nay thuộc huyện Núi Thành); Phú Phong, Phú Hương, Phú Thạnh, Sơn Thuận, Sơn Bình (Quế Sơn); Điện Tiến, Điện Hòa, Điện Thọ (Điện Bàn) thanh niên có đêm “*nhảy núi*” từ 50 đến 60 người. Ở miền núi, đồng bào đi dân công, vận chuyển hàng hóa từ miền Bắc vào các căn cứ cách mạng, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, “*làm rẫy cách mạng, nuôi con heo, con gà cách mạng*”, làm thêm vụ 2, tía lúa tháng 3 thu hoạch tháng 6, thành lập các tổ đoàn kết sản xuất, hầu hết thanh niên tham gia lực lượng dân quân du kích. Từ huyện Hiên đến Trà My, nơi nơi đều lập kế hoạch sản xuất, giao ước thi đua với khẩu hiệu “*Tăng gia sản xuất, đánh giặc giữ làng*”, mỗi người trồng từ 5.000 đến 10.000 gốc sắn. Tất cả các rẫy đều được đồng bào đặt tên: “*rẫy cách mạng*”, “*rẫy đoàn kết*”, “*rẫy độc lập*”, “*rẫy nhớ Bác Hồ*”, “*rẫy mong thống nhất*”...Sôi nổi nhất là phong trào “*dân haro cách mạng*” (cho lúa cách mạng), với khẩu hiệu: “*ăn rau, ăn cháo dành gạo cho bộ đội*”, “*góp sức góp công, xông ra tiền tuyến*”, “*đàng sau công việc nước, đàng trước công việc nhà*”. Sắn, lúa thu hoạch về đồng bào chỉ để lại một ít, thậm chí có gia đình chỉ ăn lúa nẩy mầm, lúa lép, chỉ dùng gạo để nấu cháo cho trẻ em và cụ già, còn bao nhiêu hiến hết cho cách mạng. Tháng 9 - 1959, lực lượng vũ trang tỉnh được thành lập, mở công binh xưởng đầu tiên tại thôn Bờ Nai, xã Tà Nu (Bến Hiên), xây dựng các lò



rèn để sản xuất vũ khí, các đội vũ trang lần lượt được thành lập ở hầu hết các huyện miền núi. Cũng trong thời gian này, Quảng Nam được Trung ương bổ sung một số cán bộ chính trị, quân sự từ miền Bắc vào, trong số đó có cả một số cán bộ Quảng Nam đi tập kết nay trở về tham gia chiến đấu cùng với đồng bào, đồng chí trên quê hương thân yêu của mình. Đây là một điều thuận lợi cho Đảng bộ và Nhân dân Quảng Nam trước yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng.

Bên cạnh chính sách kìm kẹp, địch còn tiến hành bao vây kinh tế đối với miền núi, ngăn chặn sự trao đổi hàng hóa, làm cho đồng bào thiếu muối ăn, vải mặc, thuốc chữa bệnh... Trước tình hình đó, đồng bào các huyện Trà My, Phước Sơn, Bến Giằng tổ chức thành từng đoàn công quế xuống đồng bằng đấu tranh với địch để được trao đổi hàng hóa, trước áp lực của quần chúng, địch buộc phải nhượng bộ.

Cuộc vận động xây dựng, mở rộng các đường hành lang ở miền núi, nhất là trục Nam - Bắc trên địa bàn Trường Sơn (đường mòn Hồ Chí Minh), cũng được đồng bào các dân tộc hưởng ứng nhiệt tình, hăng hái chặt cây phá rừng làm đường, đi dân công, xây dựng kho tàng, bảo vệ hành lang, biến miền núi thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và Nhân dân Quảng Nam triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Trong khi phong trào cách mạng ở miền núi được mở ra, thì ở đồng bằng địch bố phòng canh gác nghiêm ngặt các ngã đường, bắt dân rào làng, phát quang bờ bụi. Tuy vậy, đồng bào Quảng Nam vẫn bất chấp nguy hiểm, sẵn sàng nuôi giấu, che chở, hỗ trợ cán bộ, bộ đội, du kích đột nhập diệt ác, phá kìm.

Ngày 28 - 1 - 1960, được sự hỗ trợ của Nhân dân, các đội công tác của ta đã tiêu diệt các tên cảnh sát, có nhiều nợ máu với Nhân dân như Phan Đình Nhung ở Đại Quang (Đại Lộc), Cao Hữu Dung ở Sơn Long (nay là Quế An, Quế Sơn), Trần Khoái ở Phú Hương (nay là Quế Phú, Quế Sơn)...

Cùng thời gian này, địch đưa một tiểu đoàn cộng hòa đánh phá vùng thấp Phước Sơn. Ngoài các đồn bốt cũ dọc đường 16, địch rải quân ra các làng ông Tía, ông Viên, ông Điều, ông Nuông... Mỗi làng chúng bố trí từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội. Tại nóc ông Tía (còn gọi là làng Trà Nô), đây là một thôn của xã Phước Nham (nay thuộc xã Phước Trà, huyện Hiệp Đức), địch cho thành lập và xây dựng cơ quan hành chính trên một mỏm đồi dưới chân núi Vin, cách làng 20 mét, xung quanh có bờ rào bao bọc ngăn cách với dân làng và cử ông Tía làm đại diện, ông Đép làm cảnh sát. Chúng bày trò “*cùng ăn, cùng ở*” với dân để xâm nhập, đánh phá cách mạng. Để ngăn ngừa các hành động chống đối của Nhân dân, chúng vừa đe dọa, vừa cho lính thu hết giáo, mác, tên, ná của đồng bào. Sớm nhận rõ các âm mưu của địch, ta vận động đồng bào mang vũ khí tốt vào rừng sâu cất giấu, số còn lại nói với địch muốn giữ lại để chống thú rừng, bảo vệ tính mạng và tài sản. Nhưng địch vẫn ngoan cố trấn áp, truy bức để tịch thu hết vũ khí của đồng bào. Trước tình hình ấy, đồng bào bảo nhau: “*Địch thu hết giáo mác của ta, nếu không giết chúng, chúng sẽ giết ta*” và cùng thề đứng lên giết địch.

Ngày 13 - 3 - 1960, Nhân dân và lực lượng tự vệ làng ông Tía, dưới sự chỉ huy của ông Đình Đê, bí mật tổ chức khởi nghĩa vũ trang, tiêu diệt một tiểu đội quân ngụy dưới chân núi Vin, sát làng ông Tía, thu toàn bộ chiến lợi phẩm, rồi đưa dân

vào rừng thành lập làng chiến đấu, tiến hành chiến tranh du kích chống địch. 5 ngày sau địch cho một đại đội tràn vào làng ông Tía, đốt sạch nhà cửa, tàn phá hoa màu. Nhưng càng tiến sâu vào làng mới, chúng đã vấp phải trận địa chông, thò của ta, gây thương vong thêm một số, buộc chúng phải tháo chạy trở ra.

Khởi nghĩa làng ông Tía thắng lợi, đã gây tiếng vang lớn không những ở miền núi Quảng Nam, mà còn có ý nghĩa sâu sắc đối với phong trào cách mạng cả tỉnh, thể hiện sự vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng trong từng địa bàn cụ thể, kết hợp linh hoạt phương châm đấu tranh chính trị với vũ trang nổi dậy của quần chúng. Tuy quy mô không lớn, nhưng đây là cuộc nổi dậy của quần chúng có vũ trang đầu tiên ở Quảng Nam kể từ sau khi có Nghị quyết 15, chính vì thế nó đã có tác dụng lôi cuốn mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của Nhân dân, củng cố lòng tin vào đường lối đúng đắn của Đảng. Sau làng ông Tía, đã có hàng chục làng khác hình thành thế trận đấu tranh bất hợp pháp, xây dựng lực lượng vũ trang, bố phòng đánh địch, nhất là ở vùng thấp các huyện miền Tây Quảng Nam.

Như ngày 28 - 3 - 1960, Nhân dân làng A Ró, xã Chà Vài, huyện Bến Giằng đấu tranh không cho địch phá làng, mở rộng phạm vi hoạt động. Ở Bến Hiên, đồng bào bố trí chông thò khắp nơi, làm không ít tên đã phải đền tội trong các cuộc hành quân càn quét, vũ khí chông thò tuy thô sơ nhưng đã trở thành nổi kinh hoàng đối với binh lính địch; ngày 27 - 7 - 1960, ta đánh vào cơ quan Lộc Chánh (Đại Hiệp), diệt ác ôn, giải thoát số đảng viên bị địch bắt; đêm 19 rạng ngày 20 - 8 - 1960, ta nổ súng tấn công vào Chi khu quận lỵ Hiệp Đức tiêu diệt đại đội bảo an, thiêu huỷ đồn trại địch, thu chiến lợi phẩm; ngày 15 - 10 - 1960, lực lượng ta cải trang thành quân Cộng hoà đột

nhập vào đôt cơ quan Hội đồng xã Xuyên Phú (nay là Duy Tân, Duy Xuyên); ngày 27 - 10 - 1960, đội vũ trang công tác huyện Tiên Phước sau khi tấn công tiêu diệt đồn Nông Trại (Trà My) và trụ sở xã Tiên Hương (Tiên Phước), đã tổ chức mít tinh tuyên truyền chủ trương của Đảng, kêu gọi Nhân dân nổi dậy diệt ác, giành chính quyền. Tháng 10 - 1960, các lực lượng vũ trang ta tiếp tục tấn công tiêu diệt một số đồn địch ở các huyện Bến Hiên, Bến Giằng, đồng bào làm chướng ngại vật trên những tuyến đường mà địch sẽ đôn quân, càn quét trở lại... Đây là những trận diệt ác, phá kìm đầu tiên ở Quảng Nam sau khi Nghị quyết 15 của Đảng ra đời, đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần cán bộ, Nhân dân. Về phía địch, đây là những thất bại thảm hại như lời tự thú của Trung tướng nguy Trần Văn Đôn: *“Việt cộng đã có một lực lượng chiến đấu thực sự ở Trung bộ, một vùng mà từ lâu được coi là không có hoạt động của cộng sản, các cơ quan Chính phủ ở Trung bộ lúc này không những không nhận thức được mối nguy cơ cộng sản, mà còn tìm cách che dấu sự thật”*<sup>1</sup>.

Cũng trong khoảng thời gian này, Liên khu ủy 5 lấy 4 huyện: Tam Kỳ, Tiên Phước (Quảng Nam) và Bình Sơn, Sơn Tịnh (Quảng Ngãi) thành lập Đảng ủy (mật danh 32A<sup>2</sup>) để lãnh đạo Nhân dân đứng lên phá áp chiến lược, giải phóng nông thôn. Tỉnh ủy Quảng Nam cử Bí thư Huyện ủy Tam Kỳ và Tiên Phước tham gia Đảng ủy và nhiều cán bộ tham mưu, giúp việc khác. Huyện Tam Kỳ (Quảng Nam) và huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi) được chọn làm điểm trong việc mở rộng căn cứ bàn đạp, tiến xuống đồng bằng của Liên khu.

1. Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975), trang 414.

2. Có tài liệu viết Mặt trận 32A.

Phong trào diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị, nhất là phong trào đấu tranh của thanh niên. Theo lệnh Ngô Đình Diệm, tất cả các Bộ Tư lệnh cấp Quân khu ngay đều phải coi việc huấn luyện chính trị và quân sự cho thanh niên là một trong những nhiệm vụ chính. Chúng lôi kéo thanh niên, lập các tổ chức phản động với nhiều tên gọi khác nhau: “*Thanh niên cộng hòa*”, “*Thanh niên cách mạng quốc gia*”, “*Thanh niên lao động công giáo*”, “*Thanh niên hướng đạo*”, “*Thanh niên bảo vệ hương thôn*”... Nhờ công tác vận động thanh niên, tháng 8 - 1960 tại “*Trại huấn luyện thanh niên cộng hòa*” ở huyện Tiên Phước, 500 trong số 1.000 thanh niên bị địch đưa về đây để “*huấn luyện*” đã bỏ trại trốn về nhà<sup>1</sup>.

Cùng với thắng lợi của phong trào đồng khởi ở Bến Tre, Nam Bộ, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ. Những thắng lợi của quân và dân Quảng Nam đã đưa đến sự sụp đổ từng mảng cơ sở nguy quyền ở thôn xã, nhất là ở địa bàn miền núi. Tính đến cuối năm 1960, hầu hết các đồn địch đóng ở vùng trung, cao ở miền núi Quảng Nam đều bị ta tiêu diệt. Ở phía bắc, chỉ còn 2 thôn Tống Côi và Ô Rây ta giữ thế hợp pháp để mua hàng nhu yếu phẩm phục vụ kháng chiến. Miền núi Quảng Nam thực sự trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi để quân và dân Quảng Nam tiến lên giành những thắng lợi mới.

Như vậy, sau Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho đến cuối 1960, cách mạng miền Nam đã có bước phát triển nhảy vọt, đòi hỏi phải có một hình thức tổ chức

1. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập II (1954 - 1975), Nxb. CTQG, 2004, trang 231.

công khai, có một chương trình hành động cụ thể để tập hợp lực lượng yêu nước trên toàn miền Nam. Nhiều nhân sĩ trí thức từ bỏ hết gia sản, chức vụ trong bộ máy chính quyền Sài Gòn vào khu căn cứ cách mạng, tiêu biểu như bác sĩ Phùng Văn Cung, Giáo sư Nguyễn Ngọc Thương, nhà soạn kịch Trần Hữu Trang...

Ngày 20 - 12 - 1960, tại một “*làng rừng*” (tên gọi các căn cứ lùm ở R) thuộc xã Tân Lập, huyện Châu Thành (nay là huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh), trong một khung cảnh giản dị nhưng trang nghiêm, đại diện các lực lượng yêu nước, nhân sĩ, trí thức tổ chức Hội nghị thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, cử ra Trung ương lâm thời; thông qua Tuyên ngôn và Chương trình hành động 10 điểm<sup>1</sup>. Tuyên ngôn nêu rõ: “*Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp Nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, để đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc*”<sup>2</sup>. Chương trình hành động 10 điểm được công bố rất ngắn gọn, súc tích, chỉ ra kẻ thù

---

1. Gồm: - Đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thành lập chính quyền liên minh dân tộc, dân chủ; Thực hiện chế độ dân chủ rộng rãi và tiến bộ; Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, thực hiện cải thiện dân sinh; Thực hiện giảm tô, tiến tới giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, giúp người cày có ruộng; Xây dựng nền văn hóa giáo dục dân tộc, dân chủ; Xây dựng một quân đội bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân; Thực hiện dân tộc bình đẳng, nam nữ bình quyền, bảo hộ quyền lợi chính đáng của ngoại kiều và kiều bào; Thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, trung lập; Lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc; Chống chiến tranh xâm lược, tích cực bảo vệ hòa bình thế giới.

2. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, tập II: Chuyển chiến lược, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, trang 411.

phải đánh đổ, xây dựng chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục đáp ứng lợi ích, yêu cầu của mọi tầng lớp Nhân dân, chính sách ngoại giao hòa bình trung lập.

Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là sự kiện lớn đánh dấu bước trưởng thành của cách mạng miền Nam. Kể từ đây Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trở thành người đại diện chân chính, duy nhất, đoàn kết, tập hợp Nhân dân miền Nam tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến thắng lợi hoàn toàn.

Khẩu hiệu tập hợp lực lượng yêu nước của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ngay từ đầu đã có tác dụng to lớn như “*Chống độc tài*”, chống sự hiện diện của cố vấn Mỹ...Ngọn cờ Dân tộc, Dân sinh, Dân chủ được gương cao. Các tổ chức công khai trong các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo dần dần bị phân hóa và những người yêu nước cũng lần lượt đi theo ngọn cờ tập hợp đấu tranh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, làm cho chính quyền Diệm ngày càng bị cô lập.

Không lâu sau ngày Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, vào cuối năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Trung Trung bộ cũng được thành lập tại căn cứ Nước Lả (xã Trà Mai, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam ngày nay). Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, Tuyên ngôn và Chương trình hành động 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từng bước được tuyên truyền trong dân chúng, trước hết là đối với các gia đình cơ sở cách mạng.

## II. MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, TẬP HỢP NHÂN DÂN NỔI DẬY DIỆT ÁC PHÁ KÌM, GIÀNH QUYỀN LÀM CHỦ (1961 - 1965)

### 1. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, diệt ác phá kìm, từng bước xóa bỏ “Áp chiến lược” của địch (1961 - 1963)

Phong trào Đồng Khởi (1959 - 1960) của Nhân dân miền Nam đã đánh sập bộ máy cai trị của Mỹ - ngụy ở nhiều vùng nông thôn, lật đổ phần lớn bộ máy ngụy quyền ở thôn xã Nam Bộ, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Thắng lợi đó đã chấm dứt hẳn giai đoạn “*tạm thời ổn định*” của chính quyền Ngô Đình Diệm, đánh dấu sự thất bại của đế quốc Mỹ trong ý đồ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới thông qua chế độ cai trị độc tài phát xít Ngô Đình Diệm, Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược, chuyển sang tiến hành “*Chiến tranh đặc biệt*”. Đây là một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và Nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của Mỹ trong chiến lược này là “*dùng người Việt đánh người Việt*”.

Mỹ đề ra kế hoạch Staley - Taylor với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (7 - 1961 đến 12 - 1962). Thực hiện kế hoạch, Mỹ tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm, tăng nhanh lực lượng quân



đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập “*Áp chiến lược*”<sup>1</sup>, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới “*trực thăng vận*”, “*thiết xa vận*” để đi càn quét, đánh phá. Viện trợ quân sự của Mỹ tăng gấp đôi. Bộ chỉ huy quân sự Mỹ (MACV) được thành lập tại Sài Gòn thay cho Đoàn cố vấn viện trợ quân sự Mỹ (MAAG) để trực tiếp chỉ huy cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

“*Áp chiến lược*” là sự kế thừa và phát triển chính sách “*dinh điền*” và khu “*trù mật*” lên một mức cao, cả về quy mô, hình thức và thủ đoạn kìm kẹp đối với Nhân dân miền Nam, được xây dựng rộng rãi ở khắp cả nông thôn đồng bằng, miền núi, kể cả vùng vành đai các đô thị để gom toàn bộ Nhân dân miền Nam vào sinh sống tại đây. Đây là một điểm mới, một sự phát triển hơn hẳn cả về lượng và chất của “*áp chiến lược*” so với chính sách “*dinh điền*” và khu “*trù mật*” mà Mỹ - Diệm đã thực hiện trong những năm trước đó.

Để thực hiện mục tiêu trên, ở Quảng Nam - Đà Nẵng, địch tăng quân chủ lực lên 3 trung đoàn bộ binh, 5 tiểu đoàn đặc nhiệm, 18 tiểu đoàn bảo an, 75 tổng đoàn nghĩa quân, 12 đại đội dân vệ<sup>2</sup>. Ngoài lực lượng chính quy, tổng đoàn dân vệ, lực lượng thanh niên chiến đấu hương thôn cũng được chúng xây dựng, phát triển rộng khắp. Với lực lượng trên, địch triển khai lực lượng đóng giữ các cụm cứ điểm chiến lược quan trọng và nối các cụm cứ điểm này lại với nhau bằng một hệ thống chốt

---

1. “*Áp chiến lược*” (sau đó gọi là *Áp tân sinh*) được Mỹ và chính quyền Sài Gòn coi như “*xương sống*” của “*Chiến tranh đặc biệt*” và nâng thành “*quốc sách*”. Chúng coi việc lập “*Áp chiến lược*” như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các xã, ấp, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình “*bình định*” miền Nam. Chúng dự định dồn 10 triệu nông dân vào 16.000 ấp trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam.

2. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 420.

điêm dày đặc, tạo thành tuyến phòng thủ thông suốt dọc theo rãnh núi từ tây bắc Hòa Vang đến tây nam Tam Kỳ, chặn ta từ căn cứ miền núi hoạt động xuống đồng bằng.

Từ giữa năm 1961, địch tập trung đánh phá phong trào cách mạng, ra sức dồn dân lập “*ấp chiến lược*”, nhằm thực hiện tham vọng “*bình định cấp tốc*” của quan thầy Mỹ. Bằng nhiều thủ đoạn như càn quét, đốt phá, khủng bố, mua chuộc, dụ dỗ..., địch đã gom dân 2 hoặc 3 thôn lại một nơi qui định, bắt dân phải rào xung quanh 3 lớp và đào 2 dãy hào sâu gọi là “*2 sông 3 núi*”, chỉ để lại 1 hoặc 2 công ra vào, ngày đêm có dân vệ túc trực canh gác. Trong mỗi ấp, chúng lại chia thành nhiều khu, những gia đình có người thoát ly hoặc tập kết ở một khu riêng. Mỗi người dân trong ấp phải sắm gậy, mõ, dây để khi có báo động thì lập tức hưởng ứng. Tính đến cuối năm 1962, trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng, chúng đã gom được gần 400.000 dân vào ở trên 200 ấp, gây nhiều khó khăn cho các hoạt động của ta, làm đảo lộn mọi sinh hoạt, đời sống, sản xuất, phong tục tập quán lâu đời của Nhân dân.

Trong tình thế đó, thực hiện chủ trương của Trung ương: “*...Phải khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị là chính, có lực lượng vũ trang phối hợp, trên cơ sở đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất, mà nòng cốt là công, nông, binh liên hiệp*”<sup>1</sup>, Liên Khu ủy 5 phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ và giải phóng nông thôn đồng bằng, rút thanh niên lên xây dựng lực lượng du kích, xây dựng làng chiến đấu chống địch lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng. Đầu tiên là giải phóng thôn Tứ Mỹ, xã Kỳ Sanh, huyện Tam Kỳ (nay thuộc

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tập II (1954 - 1975)*, trang 259.

xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành), rút kinh nghiệm chỉ đạo toàn Liên khu<sup>1</sup>.

Kế tục sự nghiệp của các tổ chức đoàn thể cứu quốc trước đó ngừng hoạt động do sự đánh phá ác liệt của địch, trong năm 1961, các tổ chức quần chúng ở Quảng Nam - Đà Nẵng lần lượt ra đời như Hội Phụ nữ giải phóng tỉnh, Hội Nông dân giải phóng tỉnh..., làm nòng cốt trong các phong trào đấu tranh giải phóng quê hương, đất nước.

Cũng trong năm 1961, thực hiện chủ trương của Đảng và đề phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, ta cũng tuyên bố thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh<sup>2</sup> để làm ngọn cờ hiệu triệu quần chúng đứng lên chống Mỹ và tay sai. Mặc dù, trong thực tế ta chưa hình thành tổ chức và phân công cán bộ phụ trách, nhưng tất cả mọi hoạt động do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đều nhân danh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từ tỉnh đến xã, phường để thực hiện. Cảnh đó, nhằm tạo điều kiện mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp rộng rãi các tầng lớp Nhân dân yêu nước, báo “*Quyết Tiến*” của Tỉnh ủy được đổi tên thành báo “*Giải Phóng*” với danh nghĩa là cơ quan tuyên truyền của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh Nhân dân Quảng Nam đang sục sôi khí thế, nguyện đoàn kết một lòng xung quanh Đảng và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chống Mỹ và tay sai, giành độc lập tự do, thì nhận được tin cụ Lê Đình Thám - một người con của Điện Bàn,

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 423.

2. Ghi theo lời kể của đồng chí Nguyễn Thành - nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy QN - ĐN (Dẫn lại từ tập sách *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1975 - 2005)*, Tam Kỳ, 1 - 2007, trang 15.

nguyên Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, nguyên Chủ tịch Hội Liên Việt khu V, nguyên Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính miền Nam Trung Bộ, Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, kiêm Ủy viên Hội đồng hòa bình thế giới, Phó Hội trưởng Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam vinh dự được Đảng, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao Huân chương Kháng chiến (13 - 2 - 1961)<sup>1</sup>. Đây cũng là vinh dự, niềm tự hào lớn lao của đồng bào các dân tộc, các tầng lớp nhân dân xứ Quảng, có tác dụng cổ vũ, động viên, khích lệ rất lớn đối với sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy và Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang, chính trị đẩy mạnh diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ nông thôn đồng bằng. Mở đầu, ngày 5 - 2 - 1961, các lực lượng vũ trang ta tiến công 2 trung đội tổng đoàn của địch đang đóng quân tại làng Thu Bồn (Duy Xuyên). Bị đánh quá bất ngờ, quân địch một số bị diệt, số khác bỏ súng tháo chạy thoát thân, ta thu toàn bộ vũ khí. Đặc biệt, thực hiện kế hoạch phát động Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ trên địa bàn nông thôn đồng bằng của Khu ủy 5, ngày 31 - 8 - 1961<sup>2</sup>, được sự hỗ trợ trực tiếp của Tiểu đoàn 90 - Quân khu 5 cùng với lực lượng vũ trang huyện Tam Kỳ, đội công tác xã Kỳ Sanh chính thức phát động Nhân dân thôn Tứ Mỹ (xã Kỳ Sanh, huyện Tam Kỳ) nổi dậy giành quyền làm chủ. Trước sự tiến công của lực lượng vũ trang và sự nổi dậy của quần chúng, địch không dám phản ứng, chính quyền địch hoàn toàn bị tê liệt, Tứ Mỹ được hoàn toàn giải phóng. Ngay tối hôm đó, ta tổ chức mít

1. Báo *Nhân dân*, ngày 19 - 2 - 1961.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Huyện ủy Núi Thành, Kỷ yếu hội thảo: *Giải phóng Tứ Mỹ - Ý nghĩa và bài học lịch sử*, tháng 7 - 2013, trang 195, 196.

tỉnh tuyên bố giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng, một cán bộ lãnh đạo huyện Tam Kỳ - đại diện cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam huyện (danh nghĩa)<sup>1</sup> phát biểu ý kiến nêu rõ chính sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, nhất là chính sách khoan hồng của cách mạng đối với những người lầm lỗi nhưng biết ăn năn, hối cải sẽ được cách mạng tha thứ; kêu gọi Nhân dân đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù, bảo vệ vùng giải phóng, thi đua phát triển sản xuất đảm bảo đời sống và động viên sức người, sức của cho sự nghiệp cách mạng giải phóng quê hương. Đây là điểm phát động quần chúng giải phóng nông thôn đồng bằng thắng lợi đầu tiên của tỉnh và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý, nhất là bài học về phát huy sức mạnh tinh thần cách mạng của Nhân dân. Trên đà thắng lợi, ta phát động quần chúng nổi dậy giải phóng 2 thôn Xuân Bình, Phú Thọ của xã Kỳ Yên (nay thuộc xã Tam Trà, Núi Thành), là 2 thôn nằm liền kề với Tứ Mỹ, tạo ra vùng giải phóng liên hoàn ở 2 xã Kỳ Sanh và Kỳ Yên. Điểm nổi bật là tại Xuân Bình, Phú Thọ mặc dù có khá đông đồng bào theo đạo Tin Lành, nhưng được ta tuyên truyền, phát động đã tích cực hưởng ứng nổi dậy giành quyền làm chủ, góp phần vào thắng lợi chung.

Ngày 27 - 10 - 1961, bộ đội tỉnh và đội vũ trang công tác huyện Tiên Phước tổ chức vượt sông Tranh đánh tan trung đội Dân vệ, giải phóng 2 xã Tiên Lãnh và Tiên Ngọc (Tiên Phước) với trên 8.000 dân. Quân ta trụ lại phát động quần chúng xây dựng chính quyền tự quản xã, thôn, bộ phòng chống địch phản

1. Lương Văn Hận, *Tứ Mỹ, Xuân Bình, Phú Thọ vùng đồng bằng được giải phóng đầu tiên ở Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (31 - 8 - 1961)*. Bài in trong tập Kỷ yếu hội thảo: *Giải phóng Tứ Mỹ - Ý nghĩa và bài học lịch sử*, tháng 7 - 2013, trang 116, 117.



Ông **TRẦN MINH (MÃN)**  
*Phụ trách công tác Dân vận -  
Mặt trận tỉnh Quảng Nam (đầu  
năm 1962 - cuối năm 1963)*

kích lấn chiếm. Ta đã giải phóng các thôn Tứ Mỹ (Kỳ Sanh), Xuân Bình, Phú Thọ (Kỳ Yên), nay thêm hai xã Tiên Lãnh, Tiên Ngọc được giải phóng. Tuy đất chưa rộng, người chưa đông nhưng nó có ý nghĩa là ngọn cờ của thời kỳ giải phóng nông thôn đồng bằng trong tỉnh.

Cùng thời gian này, các lực lượng vũ trang ta đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở, diệt ác phá lỏng kìm, phá áp chiến lược, giành quyền tranh chấp và làm chủ nhiều thôn, xã thuộc phía tây các huyện Duy Xuyên, Quế Sơn, Điện Bàn, Hòa Vang với những mức độ khác nhau, bước đầu tạo hành lang bàn đạp hoạt động xuống đồng bằng và bổ sung nguồn nhân lực, vật lực cho cách mạng.

Từ ngày 16 - 2 đến ngày 3 - 3 - 1962, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam mở Đại hội lần thứ nhất tại vùng gần Kà Tum (Tây Ninh), với sự tham gia của hơn 80 đại biểu đại diện các chính đảng, các đoàn thể, lực lượng vũ trang giải phóng, đại diện các dân tộc, các tôn giáo. Đại hội đã đề ra 4 chủ trương cứu nước khẩn cấp trong tình hình mới: Đế quốc Mỹ phải đình chỉ cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam; Giải tán toàn bộ “*áp chiến lược*”; Thành lập ở miền Nam một chính

phủ liên hiệp dân tộc; Thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, trung lập. Đại hội biểu thị sự nhất trí cao bầu Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, ông Võ Chí Công - người con ưu tú của Quảng Nam, với danh nghĩa đại diện Đảng bộ miền Nam được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Để nâng cao hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng chủ trương cứu nước khẩn cấp trong tình hình mới của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Tỉnh ủy phân công ông Trần Minh (Mẫn) - Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, trực tiếp phụ trách công tác Dân vận và Mặt trận của Đảng bộ tỉnh (1962). Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do Đảng lãnh đạo, các lực lượng vũ trang cùng với Nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ - ngụy, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả 3 vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị), tiến công địch bằng cả 3 mũi chính trị, quân sự, binh vận và đã giành nhiều thắng lợi có ý nghĩa.

Trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, để đánh vào nơi sơ hở của địch, làm lạc hướng chú ý của chúng, tạo điều kiện cho các hoạt động mở ra giải phóng nông thôn đồng bằng tiếp tục phát triển, ngày 26 - 4 - 1962, đội đặc công của tỉnh gồm 7 chiến sĩ được giao nhiệm vụ tổ chức thọc sâu về Điện Ngọc (vùng sâu Điện Bàn) phá thế kim kẹp của địch, nhưng do kế hoạch bị lộ, địch huy động lực lượng đến vây đánh suốt ngày. Nhờ Nhân dân che chở, các chiến sĩ đặc công đã dũng cảm, mưu trí, lợi dụng địa hình vừa di chuyển vừa chiến đấu đánh địch từ sáng đến chiều tối, gây cho địch nhiều thương vong. Trận Điện Ngọc nổ ra tại hậu phương của địch giữa ban



ngày làm cho bọn địch ở Điện Bàn hết sức lo ngại, gây tiếng vang lớn trong tỉnh. Những chiến sĩ quả cảm đó được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phong tặng danh hiệu “*Dũng sĩ Điện Ngọc*”.

Tháng 7 - 1962, chính quyền Ngô Đình Diệm tách Quảng Nam thành 2 tỉnh là Quảng Nam và Quảng Tín<sup>1</sup>, thành phố Đà Nẵng trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương của chúng.

Ngày 25 - 9 - 1962, quân chủ lực Khu 5 và tỉnh mở chiến dịch vượt sông Tiên giải phóng Sơn - Cẩm - Hà (nay là Tiên Sơn, Tiên Cẩm, Tiên Hà), huyện Tiên Phước, nhanh chóng giành thắng lợi. Không lâu sau đó, ta giải phóng và giành quyền làm chủ thêm các xã Tiên Dương, Tiên Trà (Tiên Phước); các xã khu Tây của huyện Duy Xuyên; các xã vùng B huyện Đại Lộc; một số thôn thuộc các xã Điện Thọ, Điện Tiến, Điện Hòa, Điện An, Điện Hồng, Điện Phước của huyện Điện Bàn; các xã Thăng Phước, Bình Lâm và một số thôn thuộc các xã Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định, Bình Quế của huyện Thăng Bình, các vùng Trà Linh, Đông Làng huyện Quế Sơn...

Cùng với hoạt động vũ trang, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở đã tích cực vận động quần chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh địch vận. Ở vùng giải phóng các huyện Quế Sơn, Tiên Phước, Thăng Bình, Tam Kỳ khi địch đến càn quét, lực lượng vũ trang đánh địch, chị em phụ nữ hợp pháp tập hợp lại cùng gia đình binh lính vừa thuyết phục, vừa đấu tranh làm hạn chế sự đốt phá, cướp bóc của địch. Đồng thời đưa hàng trăm người kéo vào

---

1. Tỉnh Quảng Nam có địa giới từ huyện Quế Sơn ra đến đèo Hải Vân, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Hội An. Tỉnh Quảng Tín có địa giới từ huyện Thăng Bình vào đến giáp tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Tam Kỳ.



vùng địch đòi được đi lại buôn bán làm ăn, giao lưu hàng hóa, nhằm chống địch bao vây kinh tế vùng giải phóng, giữ thế hợp pháp cho quần chúng. Nhiều nơi trong tỉnh, dân kéo vào đồn địch, vào cơ quan ngục quyền đòi chúng bồi thường cho gia đình nạn nhân những người bị bom pháo của chúng sát hại, đòi cứu chữa những người bị thương. Ở vùng địch kiểm soát và tranh chấp diễn ra hàng ngàn cuộc đấu tranh của Nhân dân, đòi địch thực hiện quyền dân sinh dân chủ, chống địch bắt dồn dân vào “*Áp chiến lược*”, chống bắt chồng con đi lính, phản đối địch chiếm đất làm căn cứ quân sự..., buộc địch phải lúng túng đối phó, nhiều nơi chúng phải chấp nhận yêu sách của Nhân dân. Tiêu biểu là sự kiện Nhân dân Điện Ngọc (Điện Bàn) đấu tranh không nộp một triệu rưỡi đồng tiền thuế, không chịu đi làm xâu mỗi người hai tháng trong năm, lấy chữ ký tố cáo tội ác và tệt tham nhũng của quận trưởng Trần Quốc Thái, buộc địch phải chuyển Thái đi nơi khác. 300 nông dân Kỳ Trà (Tam Kỳ) kéo vào đồn phản đối địch bắn pháo vào làng. Hàng ngàn nông dân khu Tây Duy Xuyên kéo vào khu kỹ nghệ An Hòa đòi địch bồi thường đất, hoa màu và nhà cửa mà chúng chiếm làm khu kỹ nghệ, địch phải ký giấy bồi thường...

Tuy nhiên về khách quan, đây là thời gian mà giữa vùng ta mở ra làm chủ và vùng giải phóng giằng co quyết liệt, ta mở ra địch chiếm lại, ta tiếp tục mở, địch lại tái chiếm. Trong bối cảnh đó, để đảm bảo thắng lợi và duy trì được thành quả cách mạng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể quần chúng từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục phát động quần chúng tại chỗ nổi dậy phá áp chiến lược, diệt tề, giành quyền làm chủ ở nông thôn, xây dựng làng chiến đấu chống địch bằng 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) và giữ được thế

hợp pháp theo tinh thần của Hội nghị cán bộ do Tỉnh ủy tổ chức vào cuối năm 1962 tại Nà Cau (Tiên Phước).

Để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo chiến tranh trong tình hình mới, tháng 11 -1962, Khu ủy 5 quyết định chia Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 tỉnh mới: Quảng Nam và Quảng Đà<sup>1</sup>. Cùng thời gian này Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam được tổ chức tại Nà Cau (Tiên Phước). Tại Đại hội này, ông Phạm Tứ (Mười Khôi) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. 3 tháng sau, ông Phạm Tứ được điều về Khu ủy 5 công tác, ông Vũ Trọng Hoàng được cử giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Đến đầu tháng 1 - 1963, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Đà cũng được triệu tập tại làng Đào, huyện Bến Hiên. Đại hội đã nhất trí bầu ông Hồ Nghinh làm Bí thư Tỉnh ủy. Nội dung chủ yếu của Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà đều nhằm quán triệt chủ trương chung về mở ra giành quyền làm chủ nông thôn, thực hiện phương châm và quyết định những giải pháp cụ thể để đưa phong trào đô thị phục hồi, phát triển.

Sau khi chia tách, về danh nghĩa công khai trên địa bàn 2 tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà, tất cả các phong trào cách mạng đều do các cấp Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Đà tổ chức thực hiện. Cuối năm 1963, Tỉnh ủy điều động ông Hồ Truyền<sup>2</sup> - Bí thư Huyện ủy

---

1. Địa giới Quảng Nam từ huyện Quế Sơn đến giáp tỉnh Quảng Ngãi. Địa giới Quảng Đà từ huyện Duy Xuyên đến giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế.

2. Tuy nhiên, theo ý kiến của bà Hồ Thị Kim Thanh - nguyên Chủ tịch Hội Phụ nữ giải phóng tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, Anh hùng LLVTND, con gái đầu của ông Hồ Truyền thì cuối năm 1963, ông Hồ Truyền đã làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Quảng Nam, nhưng theo ý kiến của một số nhân chứng lịch sử khác thì từ năm 1962 - 1967, ở Quảng Nam từ tỉnh đến cơ sở chưa có chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt



Ông **HỒ TRUYỀN**  
*Trưởng ban Dân vận - Mặt trận*  
*tỉnh Quảng Nam*  
*(cuối năm 1963 - 10/1965)*

Tiên Phước về làm Trưởng ban Dân vận - Mặt trận tỉnh, phân công ông Lê Văn Học (Lê Tia) làm Phó ban Dân vận - Mặt trận tỉnh. Đặc biệt, để thắt chặt hơn nữa khối đoàn kết giữa các dân tộc, động viên cao độ sức người, sức của phục vụ kháng chiến, ngày 6 - 10 - 1963, các dân tộc miền Tây của tỉnh Quảng Đà mở Đại hội đoàn kết tại huyện Nam Giang. Hàng trăm đại biểu đại diện cho tất cả các dân tộc trong tỉnh về dự Đại hội thề cùng nhau đoàn kết, đẩy mạnh kháng chiến, quét sạch đồn bót địch ra khỏi núi rừng, xây dựng

căn cứ miền núi vững mạnh về mọi mặt, làm hậu phương trực tiếp cách mạng tiến công giải phóng đồng bằng.

Cùng với phong trào cách mạng ở nông thôn và miền núi, phong trào đấu tranh chính trị ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ cũng diễn ra sôi nổi, hỗ trợ tích cực cho phong trào diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ ở nông thôn. Chiến tranh đã đẩy một bộ phận không nhỏ quần chúng ở nông thôn chạy vào trú ở đô thị, trong số đó có nhiều người là đảng viên, cơ sở cốt cán được cách mạng bố trí đi theo bà con để giúp ổn định cuộc sống và gây dựng phong trào ngay giữa lòng thành thị, thông qua việc

---

trận Dân tộc Giải phóng. (tài liệu do ông Nguyễn Hoàng Ngọc - nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam tổng hợp, hiện lưu tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh).

móc nối với những người kháng chiến cũ đang sinh sống và làm việc trong các đơn vị, cơ quan, trường học, bến cảng, nhà ga..., của chính quyền Sài Gòn. Và, chính những đốm lửa nhỏ này đã tạo thành những nhân tố, hướng các phong trào đấu tranh đi theo chủ trương của cách mạng.

Từ những cốt cán tạo ra một mạng lưới tổ chức bí mật của cách mạng làm nòng cốt cho việc phát triển cơ sở, cảm tình viên trong một số tổ chức bí mật, bán công khai và công khai để có thể chi phối và tiến tới giành quyền lãnh đạo từng phần tại các tổ chức này. Tại Đà Nẵng, ngay từ trước đó (cuối năm 1960), ta đã hình thành được Ban Cán sự thành phố, các thành viên Ban Cán sự đã dựa vào địa bàn các xã giáp ranh giữa huyện Hòa Vang và Điện Bàn để làm bàn đạp, từng bước tiếp cận vào hoạt động trong nội thành, móc nối với các cán bộ, đảng viên cũ còn lại xây dựng cơ sở cách mạng. Đến giữa năm 1961, ta đã khôi phục lại cơ sở trong công nhân cảng, trong nghiệp đoàn khuân vác, trong thợ máy, tài xế, xích lô, xe lửa, nhà đèn, trong tầng lớp công thương gia... Tháng 12 - 1961, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Cán sự Đà Nẵng, ông Lê Công Cơ<sup>1</sup> với bí danh Lê Phương Thảo tập hợp những cơ sở tin cậy thành lập Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Đà Nẵng. Sang năm 1962, ta khôi phục và phát triển được cơ sở trong học sinh, sinh viên, đồng bào Phật giáo..., tạo thành đội quân chính trị đông đảo hoạt động công khai giữa lòng thành phố. Đặc biệt, cùng thời gian này, bên cạnh việc lập được các tổ chức Đảng như chi bộ ở Xuân Đán, Đảng ủy Sông Đà, ta đã xây dựng được các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ giải phóng trong chị em tiểu thương; Đoàn Học sinh giải phóng trong các trường học như Phan Châu Trinh,

---

1. Hiện là Anh hùng Lao động, Nhà giáo Ưu tú, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân (Đà Nẵng).

Tây Hồ, Nguyễn Công Trứ, Sao Mai... Tháng 9 - 1964, do tính chất đặc biệt của phong trào cách mạng ở đô thị, Khu ủy 5 quyết định tách Đà Nẵng ra khỏi tỉnh Quảng Đà, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy. Tại Đà Nẵng, đến cuối năm 1964, ta đã xây dựng được 5 chi bộ nội thành, 2 chi bộ vùng ven đô với hơn 50 đảng viên; các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng, Công đoàn giải phóng..., lần lượt được hình thành và đi vào hoạt động.

Tại Tam Kỳ<sup>1</sup>, đầu năm 1963, nhiều tổ chức quần chúng đã ra đời với những hình thức đấu tranh đa dạng, lôi cuốn các tầng lớp Nhân dân, các giới trong thanh niên, học sinh, tiểu thương, đồng bào Phật giáo trong thị xã và vùng ven tham gia, góp phần vào phong trào đấu tranh đô thị miền Nam ngày càng rộng lớn. Hội người Hoa ở Tam Kỳ, tập hợp được số đông người Hoa tham gia nhằm thống nhất đấu tranh, chống những chính sách hà khắc, phản động của chính quyền. Cuộc đấu tranh bảo vệ quyền lợi của Hội người Hoa được vận động, cũng tương đồng với một số mục tiêu đấu tranh do Đảng lãnh đạo, nên một số người Hoa đã bí mật ủng hộ tiền, cung cấp hàng hóa và trở thành cơ sở của cách mạng. Nhiều thương nhân người Hoa đã lên Trà My, hoặc vào tận Trà Bồng (Quảng Ngãi) để mua lâm thổ sản và điều chuyển lương thực, nhu yếu phẩm, dụng cụ sản xuất vào căn cứ cách mạng, góp phần tháo gỡ khó khăn, khắc phục được sự bao vây phong tỏa của địch. Đặc biệt, tổ chức

1. Đầu tháng 4 - 1963, thực hiện quyết định của Tỉnh ủy Quảng Nam, huyện Tam Kỳ tách thành 3 đơn vị hành chính: huyện Nam Tam Kỳ, Bắc Tam Kỳ và thị xã Tam Kỳ. Huyện Nam Tam Kỳ có địa bàn tương ứng với huyện Núi Thành hiện nay; huyện Bắc Tam Kỳ có địa bàn bao gồm huyện Phú Ninh và các xã Tam Thanh, Tam Thăng, Tam Phú, phường An Phú của thành phố Tam Kỳ ngày nay và thị xã Tam Kỳ tương ứng với các phường nội ô và xã Tam Ngọc của thành phố Tam Kỳ hiện nay.

Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ<sup>1</sup>, do ông Lê Công Cơ làm Chủ tịch đã cử ông Nguyễn Văn Sơn (Sơn Hải), một trong những người giữ vai trò chủ chốt trong Ban chấp hành của Hội ở Đà Nẵng vào đây tuyên truyền, vận động, tập hợp đông đảo học sinh các trường trên địa bàn thị xã, mà nòng cốt là học sinh trường Trung học Trần Cao Vân (đóng tại khuôn viên trường Tiểu học Trần Quốc Toàn hiện nay, đây là trường trung học công lập lớn nhất tỉnh Quảng Tín của địch lúc đó). Trên cơ sở đó, đầu tháng 3 - 1963, hình thành Ban chấp hành Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín<sup>2</sup>, do ông Đỗ Hùng Luân làm Tổng thư ký, ông Nguyễn Nhung làm phó Tổng thư ký, ông Nguyễn Đình Sơn làm Ủy viên liên lạc, ông Nguyễn Vinh (Nguyễn Quang Vinh) làm Ủy viên kinh tài, ông Đào Ngọc Diêu làm Ủy viên báo chí<sup>3</sup>, lấy nhà bà Nguyễn Thị Giáo ở xã Tam Ngọc, thành phố Tam Kỳ hiện nay làm trụ sở của Hội. Sau khi thành lập, Hội tổ chức các hoạt động như tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng trong giới học sinh, thanh niên, nhân sĩ, trí thức, giáo chức, kể cả những người đang làm việc trong bộ máy của chính quyền địch trên địa bàn Quảng Nam, thậm chí cả những con em của Quảng Nam đang sinh sống và làm việc ở các nơi khác. Vì vậy, chỉ một thời gian ngắn, Hội đã bắt mối và xây dựng được các cơ sở nòng cốt như các ông/bà Nguyễn Lương Ý - giáo viên trường bán công Nguyễn Dục, Nguyễn Lương Ý - sĩ quan tùy viên báo chí của tướng Nguyễn Chánh

1. Do ông Lê Công Cơ chủ trì Đại hội thành lập vào lúc 11 giờ, ngày 28 - 11 - 1962 tại cửa biển Thuận An (Huế).

2. Lấy theo địa danh hành chính của địch.

3. Lê Công Cơ (chủ biên), *Phong trào đấu tranh đô thị thời quốc khởi (1954 - 1975)*, Nxb. Hội Nhà văn, 2015, trang 194. Đến đầu năm 1965, tổ chức Hội được chuyển giao về Thị ủy Tam Kỳ trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo.

Thi (Tư lệnh Vùng I chiến thuật); Nguyễn Viêt Xuân, Nguyễn Bích, Ngô Nhược Kim, Huỳnh Thị Liên Hoa, Huỳnh Thị Mộng Hoa, Phan Văn Thê, Phan Văn Trị, Nguyễn Hoàng Linh (Tư Điều), Phan Liễu, Đinh Văn Khôi, Trần Ngọc Bích, Cao Văn Sanh..., tích cực ủng hộ tài chính, cho mượn phương tiện vận chuyển khi cần, nuôi giấu cán bộ, bộ đội...

Đặc biệt, sau khi “*lên núi*” dự các lớp tập huấn do Thị ủy Tam Kỳ tổ chức trở về, nhận thức của đông đảo hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín được nâng cao, các hoạt động cách mạng được tổ chức bài bản, chu đáo từ việc mua máy đánh chữ làm tờ báo “*Mầm non*” để tuyên truyền, học sử dụng vũ khí, nhận và chuyển tin thu thập được từ vùng địch ra vùng ta và ngược lại; vẽ sơ đồ đồn bốt, cơ quan, nơi co cụm của địch sau mỗi lần hành quân trở về, hoặc nơi xuất phát, báo cáo cho trinh sát nắm tình hình để đánh địch; khắc con dấu và làm các loại chữ ký, giấy tờ giả như căn cước, khai sinh, giấy thông hành để tạo điều kiện đi lại thuận lợi, hợp pháp cho cán bộ, đảng viên và giúp thanh niên trốn lính...<sup>1</sup>

Nổi bật nhất trong phong trào đấu tranh chính trị năm 1963 là phong trào Phật giáo, diễn ra từ đầu tháng 5 - 1963. Nguyên nhân sâu xa của phong trào này chính là do chính sách phản dân tộc, chính sách kỳ thị Phật giáo hết sức nặng nề của chính quyền Ngô Đình Diệm qua suốt 9 năm thống trị (1954 - 1963). Điển hình vào dịp lễ Phật đản năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành Công điện số 9195/PTT, ra lệnh triệt hạ cờ Phật giáo, vì sợ Phật giáo sẽ tạo ảnh hưởng không có lợi

1. Ghi theo lời kể của ông Nguyễn Quang Vinh - nhân chứng của nội dung lịch sử quan trọng này hiện đang sống tại xã Tam Ngọc, TP. Tam Kỳ.





*Các tín đồ Phật giáo ở Hội An mít tinh tại chùa Hội An phản đối Mỹ - Diệm đàn áp Phật giáo và nhân dân yêu nước ở miền Nam (1963)*

cho Diệm, lập tức vấp phải sự phản kháng mạnh mẽ của tăng, ni, Phật tử miền Nam, trước hết là ở Huế. Ngô Đình Diệm đã tiến hành phong tỏa các chùa chiền, bắt bớ, đánh đập tăng ni, Phật tử hòng dập tắt mọi phần nộ của Nhân dân, trong đó vụ đàn áp Phật tử tại Đài Phát thanh Huế vào đêm ngày 8 - 5 - 1963, làm nhiều người bị thương và 8 Phật tử (hầu hết ở tuổi thiếu niên) bị thiệt mạng, một số người bị xe thiết giáp cán chết, thi thể không còn nguyên vẹn.

Vụ đàn áp đẫm máu của chính quyền Ngô Đình Diệm ở Huế đã làm dấy lên sự căm phẫn cao độ và những làn sóng xuống đường, tuyệt thực trái khắp từ Quảng Trị đến Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cần Thơ, Đà Lạt, Sài Gòn. Ngày 14 - 5 - 1963, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố: “*Cuộc đàn áp đẫm máu của chính quyền phát xít Mỹ - Diệm đối với đồng bào biểu tình tay không ngày 8 - 5 ở Huế là một hành động tội ác tày trời không thể tha thứ được đối với Nhân dân ta nói chung và đối với đồng bào theo đạo Phật nói riêng... Cuộc đàn áp đẫm máu lần này đã bóc trần lời của Mỹ - Diệm*



*vẫn thường vỗ ngực tự xưng là hữu thân, là tôn trọng tự do tín ngưỡng, và nhất định nó sẽ càng nung nấu thêm lòng căm thù và chí kiên quyết tiêu diệt chúng của tín đồ các tôn giáo ở miền Nam Việt Nam*<sup>1</sup>. Bản Tuyên bố ủng hộ 5 nguyện vọng<sup>2</sup> của tăng ni, tín đồ Phật giáo miền Nam, do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, thay mặt Tổng hội Phật giáo Việt Nam công bố vào ngày 10 - 5 - 1963. Hòa thượng Thích Thiện Hào, Ủy viên Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Hội lực hòa Phật tử, gửi điện cho ban Thư ký thường trực Hội Phật giáo thế giới, tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo trong ngày Đản sanh của Đức Phật.

Cùng thời gian này, Ủy ban Mặt trận Giải phóng miền Nam Trung Bộ cũng ra Tuyên bố, khẳng định: *“Lòng căm thù của đồng bào Phật giáo âm ỉ từ lâu, nay bốc lên thành ngọn lửa đấu tranh. Đó là điều không tránh khỏi. Máu đã đổ, nhưng cuộc đấu tranh đang tiếp tục lan rộng, điều đó nói lên ý chí bất khuất và lòng yêu chính nghĩa của giới Phật tử và sinh viên, học sinh kiên quyết cùng toàn dân ta lên án chế độ phát - xít Mỹ - Diệm... Ủy ban kêu gọi các tầng lớp đồng bào, các tôn giáo, các dân tộc ở miền Nam Trung Bộ hãy ra sức cùng đồng bào cả nước và dư luận tiến bộ trên thế giới làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh ấy”*<sup>3</sup>.

1. Dẫn lại từ *Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập VII, từ 1954 đến 1975*, Nxb. ĐHSP, Hà Nội, 2010, trang 146.

2. Gồm: 1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam cộng hòa thu hồi vĩnh viễn Công điện triệt giáo kỳ của Phật giáo; 2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một quy chế đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong Dự số 10; 3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bất bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo; 4. Yêu cầu cho tăng, tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo; 5. Yêu cầu Chính phủ phải đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức.

3. Báo Nhân Dân ngày 13 - 6 - 1963, trang 4.

Hưởng ứng bản Tuyên bố của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Trung Bộ và bản Tuyên ngôn của tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam, trong những ngày nổ ra đấu tranh ở Huế, tại Hội An, Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ nhiều thanh niên, học sinh cùng tín đồ Phật giáo hằng ngày tập trung đến các chùa, biểu thị sự đoàn kết và sẵn sàng chung tay đấu tranh chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, cùng nhau kéo ra Đà Nẵng tham gia các đoàn biểu tình, rải truyền đơn, đốt xe cảnh sát, treo khẩu hiệu phản đối chính sách phân biệt tôn giáo. Chính quyền địch ở Quảng Tín bắt giam một số nhà sư trong Ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh như Đại đức Thích Thiện Duyên<sup>1</sup> - trụ trì chùa Đạo Nguyên (Tam Kỳ) để hăm dọa, răn đe phong trào đấu tranh; tra tấn những thanh niên, học sinh và Phật tử tham gia biểu tình và bí mật đưa đi thủ tiêu những người chúng cho là cầm đầu đấu tranh, đem chôn 7 hố ở bãi cát thôn Ngọc Nam và Phú Thạnh, xã Tam Phú (Tam Kỳ)<sup>2</sup>.

Tháng 6 - 1963, Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín tổ chức cho học sinh các trường trung học trên địa bàn Tam Kỳ bãi khóa, vận động bà con tiểu thương ở các chợ bãi thị, gây được tiếng vang lớn trong Nhân dân. Tiếp theo, tháng 8 - 1963, Hội gửi kiến nghị cho thiếu tá Thân Ninh - Tỉnh trưởng Quảng Tín, yêu cầu để tín đồ Phật giáo được tự do hoạt động, không được đàn áp Phật tử... Các hoạt động này đã nhận được sự đồng tình, ủng

---

1. Hiện là Đại lão Hòa thượng, Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện chủ chùa Đạo Nguyên. Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, Trưởng ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Nam.

2. Lê Công Cơ (chủ biên), *Phong trào đấu tranh đô thị thời quật khởi (1954 - 1975)*, Nxb. Hội Nhà văn, 2015, trang 202.

hộ mạnh mẽ của đông đảo tăng ni, Phật tử. Đặc biệt, Đại đức Thích Chơn Ngô - trụ trì chùa Tịnh Độ (phường Hòa Hương, Tam Kỳ hiện nay) đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hội viên của Hội ra vào chùa để hội họp, bàn kế hoạch hành động. Cảnh đó, các cơ sở của Hội còn chia nhiều cánh, đi xe đạp vào buổi tối rải truyền đơn ở nhiều tuyến đường trong thị xã Hội An, Tam Kỳ và bí mật bỏ vào xe Mỹ những lá truyền đơn in bằng tiếng Anh, ngay giữa ban ngày, khi chúng dừng xe bên đường phố bước vào các cửa hàng mua sắm...

Bị thất bại liên tiếp trên chiến trường, làm cho mâu thuẫn giữa các loại tay sai của đế quốc Mỹ ở miền Nam phát triển đến cao độ, buộc đế quốc Mỹ phải thay ngựa giữa dòng bằng cuộc đảo chính giết bỏ Diệm - Nhu (1 - 11 - 1963), mở đầu cho thời kỳ khủng hoảng triền miên của chế độ ngụy quyền Sài Gòn.

Phế truất được Diệm - Nhu, Mỹ đưa Dương Văn Minh, rồi Nguyễn Khánh cầm đầu chính quyền Trung ương Sài Gòn, song tình hình chính trị ở các đô thị miền Nam vẫn tiếp tục sôi động, các phe phái trong nội bộ địch vẫn tiếp tục đấu đá nhau để tranh giành quyền lực. Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Đà, quần chúng nổi dậy đấu tranh vạch mặt bọn tay sai gian ác của đảng Cần lao nhân vị; các đội công tác tiếp cận vận động binh lính theo Phật giáo tấn công bọn binh lính theo đảng Cần lao nhân vị. Đẩy mạnh tấn công địch bằng 3 mũi giáp công, làm tan rã từng bộ phận địch, diệt ác, phá kìm, phá áp chiến lược, mở rộng vùng làm chủ, nhanh chóng phát triển thực lực cách mạng ở thành phố, thị xã, vùng địch kiểm soát... Tại Đà Nẵng, ngay sau ngày Diệm bị giết, 20.000 quần chúng mít

ting hô vang các khẩu hiệu “*Bài trừ du đảng Cần lao*”, “*Tẩy chay thị trường Đà Nẵng*”, “*Thị trường Đà Nẵng rút đi*”. Thị trường Đà Nẵng hoảng sợ bỏ trốn vào Sài Gòn. Tiếp đến, từ ngày 15 đến ngày 17 - 1 - 1964, diễn ra cuộc đình công đòi tăng lương, đòi chủ tuyển dụng chính thức của 30 nữ công nhân Nhà máy dệt Hòa Thọ. Cuộc đình công đã thu hút 900 công nhân các ngành khác tham gia. Ngày 13 - 8 - 1964, cuộc biểu tình quanh thành phố Đà Nẵng của 10.000 người, trong đó đông đảo nhất là công nhân. Các nhà máy, hiệu buôn đóng cửa để ủng hộ cuộc đấu tranh. Cùng thời gian này, ngư dân Đà Nẵng liên tục tổ chức biểu tình trước Tòa Thị chính đòi chính quyền Sài Gòn giảm thuế ghe, trả 70 ghe, thuyền bị bắt giữ trước đây vì “*tình nghi hoạt động cho Việt Cộng*”; trong lúc đó thanh niên, học sinh, Phật tử Đà Nẵng tổ chức hội thảo về chủ đề “*Trước tình hình hiện tại của đất nước, thanh niên phải làm gì? Tại sao có chiến tranh?*” nhằm tố cáo tội ác và đòi trừng trị những tên tay chân của Diệm, đòi tẩy chay những tên Cần lao nhân vị ra khỏi học đường, ra khỏi các nghiệp đoàn. Nhiều tên ác ôn ở nông thôn trốn chạy ra thành phố tránh đòn cũng bị Nhân dân Đà Nẵng phát hiện vây bắt. Các đoàn thanh niên, học sinh, sinh viên dùng gậy gộc kéo về một số quận lỵ và nông thôn truy bắt bọn ác ôn, các tên quận trưởng hoảng sợ chạy trốn. Ngụy quyền ở cơ sở hầu như bị tê liệt, nhiều nơi Nhân dân tự quản khóm phường một thời gian, tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng xây dựng cơ sở ở nội thành.

Tại thị xã Hội An, cán bộ thoát ly bám địa bàn, cùng cơ sở tổ chức diệt ác, phá lỏng kìm ở Cẩm Châu, bắt sống 3 tên ác ôn ở Cẩm An, phát triển hàng loạt cơ sở vào các xã Cẩm Thanh, Cẩm Châu, Cẩm An, Cẩm Hà, nắm số dân vệ, nghĩa quân ở các

xã này xây dựng thành cơ sở nội tuyến. Số ít đảng viên cũ được phục hồi, phát triển đảng viên mới, tiến hành lập chi bộ Đảng ở các địa phương trên, làm cho thực lực cách mạng ở thị xã Hội An có bước phát triển nhảy vọt.

Cùng với Đà Nẵng, Hội An, tại thị xã Tam Kỳ, Nhân dân nổi dậy tiến công bọn Quốc dân đảng, đập phá nhà cửa những tên tay sai của Ngô Đình Diệm có nhiều tội ác với Nhân dân. Hàng ngàn người biểu tình có nhiều thương phế binh nguy tham gia, tố cáo tội ác của đảng Càn lao nhân vị đã gây ra như vụ chôn sống người ở bãi cát xã Kỳ Phú, đòi quyền lợi cho thương phế binh; lực lượng học sinh cùng thanh niên Phật tử tổ chức biểu dương lực lượng... Trước áp lực của quần chúng nhân dân, không có căn cứ để kết tội, bọn nguy quyền Quảng Tín buộc phải thả một số tù chính trị.

Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ phát triển với quy mô rộng khắp, buộc quân đội Sài Gòn phải kéo về trấn giữ thành thị, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang ta tiến đánh giải phóng nông thôn, áp sát vùng ven.

Tính từ khi Mỹ tổ chức đảo chính Ngô Đình Diệm (1 - 11 - 1963) đến quý I năm 1964, cả Quảng Nam và Quảng Đà có 214 cuộc đấu tranh chính trị trực diện với địch và 252 cuộc mít tinh lớn nhỏ, với trên 50.000 người tham gia, hàng trăm gia đình bỏ khu tập trung về làng cũ, vận động được 1.000 binh lính, dân vệ của địch đào ngũ trở về với cách mạng. Phạm vi vùng giải phóng chẳng những được lập lại như năm 1962, mà còn mở rộng thêm được 29 thôn, đưa vùng làm chủ của Quảng Đà lên 94 thôn với 89.000 dân, ở Quảng Nam ta giải phóng

thêm xã Kỳ Thịnh và một phần xã Kỳ Long (nay thuộc huyện Phú Ninh), làm chủ thêm một số thôn ở Tiên Phước, Tam Kỳ, Thăng Bình, Quế Sơn.

## **2. Vận động Nhân dân nổi dậy đồng khởi, giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng (1964 - 1965)**

Để cứu vãn tình thế, đầu năm 1964, tổng thống Mỹ Lyndon Baines Johnson (Giôn-xon), thay tổng thống John Fitzgerald Kennedy (Ken-nơ-dy) bị ám sát ngày 22 - 11 - 1963, chuẩn y kế hoạch mới của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Strange McNamara (Mac Na-ma-ra), đẩy mạnh hơn nữa chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”, tăng cường vai trò của Mỹ trên chiến trường, nhằm bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng 2 năm (1964 - 1965).

Tháng 7 - 1964, thực hiện chủ trương phát động phong trào đồng khởi và mở chiến dịch thu đông trên toàn chiến trường của Khu ủy 5. Tháng 8 - 1964, Tỉnh ủy Quảng Nam và Quảng Đà ra nghị quyết phát động quần chúng đồng khởi giải phóng đại bộ phận nông thôn, đồng bằng.

Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phối hợp với lực lượng vũ trang, Nhân dân Quảng Nam - Quảng Đà đẩy mạnh đấu tranh chống kế hoạch bình định mới của địch. Phát huy những thành quả trước đó, Nhân dân và các lực lượng vũ trang huyện Thăng Bình liên tiếp nổi dậy diệt ác, giải tán dân vệ, phá áp chiến lược, giành quyền làm chủ. Đến cuối tháng 9 - 1964, 6 xã vùng đông và 1 xã vùng tây Thăng Bình với 40.000 dân hoàn toàn được giải phóng. Cùng thời gian này, Nhân dân Quế Sơn cũng nổi dậy, cùng du kích và đội vũ trang công tác diệt 5 trung đội dân

vệ, phá 7 ấp chiến lược, lần lượt giải phóng Sơn Thọ, Sơn Phúc, Sơn Khánh, Sơn Thạch, Sơn Long, Sơn Lãnh và nửa xã Sơn Khương, dồn địch vào vùng xung quanh quận lỵ Quế Sơn.

Ở huyện Nam Tam Kỳ, Nhân dân các thôn Khương Vĩnh, Khương Phú, Khương Đại (xã Tam Hiệp), Kỳ Trà, Kỳ Sơn, Kỳ Long, Kỳ Quế, Kỳ Thịnh, Kỳ Yên, Kỳ Khương, Kỳ Chánh và một phần xã Kỳ Sanh nổi dậy diệt ác phá kìm, thành lập chính quyền tự quản.

Cùng với Quảng Nam, tại Quảng Đà, Nhân dân các xã Xuyên Long, Xuyên Tân, Xuyên An (Duy Xuyên)..., tiếp đó là các xã khu Trung và khu Tây, nổi dậy đấu tranh, tham gia cùng lực lượng vũ trang đánh tan 11 trung đội dân vệ, phá lỏng kìm, giành quyền làm chủ xã thôn. Nhân dân hai xã Cẩm An và Cẩm Thanh (Hội An) cùng đội công tác thị xã đồng khởi giải phóng hai xã liền kề với các xã vùng giải phóng phía đông Duy Xuyên. Tại Điện Bàn, Nhân dân vận động binh lính địch về nhà cơ sở ăn uống để cho lực lượng vũ trang ta tập kích phá đồn. Ngày 10 - 7 - 1964, bộ đội huyện cùng du kích thôn Viên Đông (Điện Ngọc) bất ngờ tiến công địch, diệt 40 tên, bắt sống 22 tên. Cùng lúc, du kích kết hợp với cơ sở nội tuyến tấn công diệt gọn tên hội đồng Thanh Thủy, nổi tiếng gian ác và tiểu đội dân vệ của địch, lập chính quyền cách mạng. Xã Điện Ngọc, vùng cát đầu tiên của huyện Điện Bàn được giải phóng, đã có ý nghĩa quan trọng, tác động mạnh mẽ đến tinh thần của binh lính địch, bọn ác ôn, tề ngụy trong vùng hoảng sợ tháo chạy lên Vĩnh Điện, tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân tiếp tục phá ấp chiến lược, giải phóng Cẩm An, Cẩm Hải (Hội An) và một số thôn của các xã Điện Nam, Điện Dương (9 - 1964), Thanh Phong (Điện An), Thanh Trường (Điện Thăng) vào tháng 10 -

1964, Điện Quang, Điện Hồng huyện Điện Bàn (11 - 1964). Tại Đại Lộc, ta giải phóng thêm xã Lộc Sơn, mở rộng quyền làm chủ ở một số thôn của Lộc Vĩnh, Lộc Bình.

Các xã giải phóng của 2 tỉnh hợp thành những mảng lớn, một ở vùng cát chạy suốt từ Hòa Vang đến Nam Tam Kỳ; một ở trên Quốc lộ I từ nam sông Cẩm Lệ đến bắc sông Thu Bồn; mảng từ Tiên Phước, tây Tam Kỳ, tây Thăng Bình, Quế Sơn; vùng B Đại Lộc, tây Duy Xuyên; mảng tam giác đông Đại Lộc, tây Điện Bàn, Hòa Vang giáp căn cứ miền núi. Đại bộ phận nông thôn đồng bằng của tỉnh đã được giải phóng, hình thành thế uy hiếp mới đối với địch.

Hòa nhịp với phong trào đồng khởi nông thôn, phong trào đấu tranh chính trị ở thành thị miền Nam Việt Nam bùng phát thành những cơn sóng lớn với hình thức, nội dung và qui mô mới, với yêu cầu chính trị cao hơn, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Lực lượng thanh niên, học sinh, sinh viên qua đấu tranh có bước trưởng thành về chính trị, Thành đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng Đà Nẵng ra các tờ báo bán hợp pháp với tên gọi “*Hương Sóng*”, sau đó là tờ “*Quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược*”, lưu hành trong thanh niên, học sinh, sinh viên. Các chi đoàn trường học làm ra các bản tin chuyên tay nhau đọc. Truyền đơn, biểu ngữ dả đảo Mỹ, chính quyền Sài Gòn và cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam liên tục xuất hiện trên đường phố, trên các con đường vào thành phố, thị xã, thị trấn, quận ly, có lúc cờ được treo ngay trước đồn cảnh sát ở cảng Đà Nẵng. Đêm 20 - 8 - 1964, hàng ngàn tăng ni, Phật tử và đồng bào Huế xuống đường, thực hiện một cuộc diễu hành, với những ngọn nến trong tay, kéo qua các đường phố, hướng về phía Đài Phát thanh, tưởng niệm các Phật



tử đã bị sát hại vào chính ngày này năm trước. Những ngọn nến sáng rực tưởng nhớ ngày “*Pháp nạn*”. Những ngọn nến đốt cháy u minh. Tổng hội Sinh viên Huế ra Tuyên cáo chống “*Hiến chương Vũng Tàu*”<sup>1</sup> của Nguyễn Khánh. Đà Nẵng xuống đường tiếp sức Huế. Và không chỉ có Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam mà suốt một dải miền Trung cùng sôi sục tinh thần đấu tranh đòi công bằng dân chủ, đòi chủ quyền dân tộc.

Ngày 24 - 8 - 1964, hàng vạn quần chúng Đà Nẵng xuống đường phản đối “*Hiến chương Vũng Tàu*”, sau đó kéo đến tòa Thị chính thành phố đưa yêu sách phản đối. Trên đường tuần hành, lính Mỹ trong cư xá Đống Đa (khách sạn Đà Nẵng hiện nay) nổ súng khiêu khích, bọn Quốc dân đảng và bọn phản động ở khu Thanh Bờ - Đức Lợi, lợi dụng cơ hội đó ném lựu đạn, nổ súng vào đoàn biểu tình làm nhiều người chết và bị thương. Như lửa đổ thêm dầu, lòng căm giận đối với bè lũ cướp nước và bán nước càng có dịp bùng lên. Những người dân bình thường nhất vốn đã không thể chịu đựng được cái cảnh lính Mỹ, từ hơn một năm qua, nghênh ngang trên các đường phố, vác những “*me Mỹ*” trên vai đứ đờ ngay giữa ban ngày, trước mắt mọi người, làm xáo trộn mọi giá trị đạo đức của xã hội. Những snack bar mọc lên như nấm sau mưa, vốn đã gây căm phẫn và cả lo lắng của các bậc phụ huynh trước sự an nguy của con cái mình. Những chiếc xe GMC chở đầy súng đạn, đồ hộp đã tạo nên những cơn sốt cho mọi thanh niên trước nguy cơ phải vào quân trường. Cũng như mọi người dân miền Nam khác, dân Quảng Nam, Đà Nẵng dù không nói ra, trước sau vẫn ghét Mỹ, khi chúng kéo lê gót giày xâm lược tàn phá xóm làng

1. Với Hiến chương Vũng Tàu (16 - 8 - 1964), chính quyền ngụ đồng ý bán Cam Ranh cho Mỹ xây dựng căn cứ quân sự trong thời hạn 99 năm.

Việt Nam. Vốn đã ghét Mỹ, nay lại nhìn thấy tận mắt cảnh lính Mỹ nổ súng vào đồng bào mình đã làm cho người Đà Nẵng càng sục sôi ý chí đấu tranh.

Ngày 25 - 8 - 1964, quần chúng tập trung rất đông, mang theo vũ khí, đi trừng trị bọn giết người và kéo đến tòa Thị chính đòi chính quyền phải trừng trị bọn gây ra tội ác. Hoảng sợ trước sức mạnh của quần chúng, bọn phản động ở khu Thanh Bò - Đức Lợi và bọn nguy quyền ở tòa Thị chính chạy trốn, ngay cả Thị trưởng Đà Nẵng, Lâm Quang Mỹ cũng bỏ chạy ra căn cứ Hải quân ở cảng Tiên Sa để lánh mặt. Lực lượng quần chúng nhân cơ hội đó chiếm lĩnh tòa Thị chính; kéo đến phá nơi ở của bọn Cần lao, bọn phản động ở khu Thanh Bò - Đức Lợi; chiếm Đài Phát thanh, phát đi tin thắng lợi, làm cho hệ thống chính quyền địch ở thành phố hầu như tê liệt, một bộ phận lực lượng quân đội Sài Gòn ngã về phía phong trào tranh đấu của Nhân dân Đà Nẵng, bộ phận còn lại thì án binh bất động. Quần chúng cách mạng đã biến thành phố thành một vùng tự trị và thật sự làm chủ thành phố thân yêu của mình trong 9 ngày đêm.

Cũng trong thời gian này, nhiều nhóm thanh niên, học sinh được tập hợp, có nòng cốt là cơ sở cách mạng, đi bằng xe đạp, xe máy gô-ben, xe lambretta về các huyện như Duy Xuyên, Điện Bàn truy bắt bọn Cần lao. Mũi hướng về Duy Xuyên do ông Phan Hoàng đứng đầu. Quận trưởng Duy Xuyên Phan Kim Ảnh, thuộc đảng Cần lao nhân vị chạy trốn về Đà Nẵng, bị lực lượng nổi dậy truy bắt.

Cuộc đấu tranh của Nhân dân Đà Nẵng cùng với phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên, thanh niên và đồng bào Phật giáo diễn ra sôi nổi ở các đô thị miền Nam đã buộc Nguyễn

Khánh phải thu hồi “*Hiến chương Vũng Tàu*”. Ngày 24 - 10 - 1964, Nguyễn Khánh bị Mỹ hạ bệ, Trần Văn Hương lên làm Thủ tướng. Từ ngày 22 - 12 - 1964 đến ngày 27 - 1 - 1965, ở Đà Nẵng liên tục nổ ra 6 cuộc biểu tình chống Mỹ - nguy, đòi dân sinh dân chủ thu hút trên 10 vạn người tham gia. Ngư dân Sông Đà biểu tình đòi tự do hành nghề ở vùng từng bị cấm, từ chân đèo Hải Vân đến mỏm núi Sơn Trà. Công nhân nhà máy dệt Hòa Thọ đình công đòi tăng lương. Hơn 200 học sinh biểu tình, kéo đến trước nhà 2 tên Mỹ ở đòi thả một học sinh bị bắt ngày 10 - 3 - 1964. Đặc biệt cuộc biểu tình diễn ra ngày 27 - 1 - 1965 đã lôi cuốn cả 2 đại đội lính Việt Nam cộng hòa cùng tham gia, mang theo cả hình nộm Trần Văn Hương và đại sứ Mỹ Taylo để hô đã đảo đã làm cho bọn Mỹ không dám ra đường..., cơ sở cách mạng tranh thủ rải truyền đơn và treo hàng trăm lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trên đường phố.

Cùng với Đà Nẵng, đêm 18 - 12 - 1964, ở Tam Kỳ lực lượng vũ trang ta nổ súng diệt lô cốt trung tâm huấn luyện quân sự và đánh vào lô cốt Nhà thờ Công giáo thị xã nhằm hỗ trợ cho 2 trung đội nghĩa quân gác cầu Tam Kỳ theo cơ sở nội tuyến làm binh biến, mang toàn bộ vũ khí trở về với cách mạng. Phối hợp với hoạt động vũ trang, đồng bào thị xã cùng gia đình binh lính đấu tranh đòi nguy quyền để cho dân và gia đình binh lính đi lại làm ăn, buôn bán. Trước sự đấu tranh kiên quyết và lâu dài của đồng bào, địch buộc phải chấp nhận yêu sách. Đồng bào liền đưa gạo, muối lên tận Trà My đổi lấy quế, mật ong và xuất khẩu. Qua đó, vùng căn cứ cách mạng được tiếp tế lương thực, hàng hóa...

Tính chung, năm 1964, ở Quảng Đà có 189 cuộc đấu tranh chính trị ở thành phố và nông thôn với trên 70 ngàn lượt

người tham gia. Ở Quảng Nam có hàng trăm cuộc đấu tranh với trên 25 ngàn lượt người tham gia. Đấu tranh chính trị liên tục nổ ra, trở thành bạo lực của quần chúng tiến công địch, diệt ác, phá kìm giành chính quyền xã thôn.

Tuy nhiên, phong trào cách mạng trong thời gian này còn có một số hạn chế như việc xây dựng căn cứ miền núi chưa tương xứng với đòi hỏi của cuộc kháng chiến, việc mở ra nông thôn đồng bằng nhiều nơi còn chậm, ba mũi giáp công chưa đều, chưa vững chắc; công tác xây dựng, phát triển cơ sở cách mạng ở vùng nội ô các thành phố, thị xã chưa đạt yêu cầu. Nhưng nhìn chung trong bối cảnh địch tiến hành càn quét đánh phá ác liệt, căn cứ miền núi vẫn được giữ vững; hàng vạn quần chúng nông thôn đã đứng lên hành động cách mạng sôi nổi, quyết liệt với khí thế khởi nghĩa giành chính quyền từng vùng khá rộng lớn, nhất là ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ phong trào công nhân, học sinh, sinh viên, Phật tử đã thực sự trở thành cao trào cách mạng như Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Đà và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (12 - 1964) đã đánh giá.

Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang lên, từ ngày 9 đến ngày 12 - 11 - 1964, trên địa bàn 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà xảy ra trận lụt lớn chưa từng có trong mấy chục năm qua. Trận lụt làm núi lở vùi lấp một số thôn của đồng bào dân tộc. Ở đồng bằng, nhất là vùng ven sông, nước ngập gây thiệt hại to lớn về người và tài sản của nhân dân. Cả Quảng Nam và Quảng Đà có hàng ngàn nhà cửa bị nước cuốn trôi, hàng ngàn người và gia súc chết, hàng ngàn hécta ruộng bị cát bồi lấp... Lợi dụng lúc thiên tai bão lụt đang hoành hành, địch ra sức đánh phá phong trào cách mạng. Ngay lúc trời đang lụt lớn, Nhân dân đang trú trên các cồn cao, nóc nhà, ngọn cây...,

địch cho xuống máy, ca nô, xe lội nước lũng sục, vây ráp, giết người cướp của. Tàn bạo hơn tại Châu Toàn, Tam Xuân, chúng đóng chặt cửa ập chiến lược không cho đồng bào chạy tránh lượ, làm chết nhiều người và trâu bò.

Ngày 17 - 11 - 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi lời thăm hỏi, động viên đồng bào miền Trung bị bão lụt qua Đài tiếng nói Việt Nam. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam, Quảng Đà cũng kịp thời có chủ trương “*Công tác trung tâm đột xuất trước mắt là khẩn cấp cấp cứu tai nạn bão lụt cho nhân dân, gắn với công tác trung tâm thường xuyên là phá áp phá kìm giành dân; thực hiện chống đói, chống đau, chống địch*”. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp ở Quảng Nam, Quảng Đà ra lời kêu gọi đồng bào nhường cơm sẻ áo giúp đỡ nhau khi hoạn nạn theo tinh thần “*lá lành đùm lá rách*”, “*một miếng khi đói bằng gói khi no*”. Đặc biệt, nhận được tin lũ lụt gây thiệt hại lớn cho Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà, Tổng hội Sinh viên Huế đã ra lời kêu gọi học sinh, sinh viên, tiểu thương và giáo chức Huế đi tham gia cứu trợ tại Quảng Nam. Hàng ngàn người Huế đủ mọi thành phần xã hội đã mang mền, áo quần, xoong nồi, tiền bạc..., góp cho Ủy ban Cứu trợ bão lụt của sinh viên Huế để chuyển vào Quảng Nam.

Tại Đà Nẵng, cơ sở cốt cán của cách mạng đã phối hợp với Giáo hội Phật giáo Đà Nẵng, lập một Ủy ban Cứu trợ bão lụt và cũng huy động được nhiều tiền của đi giúp đồng bào bị nạn. Cả chục đoàn cứu trợ của sinh viên học sinh Phật tử, tiểu thương, giáo chức Huế, Đà Nẵng đã chia nhau đi khắp các vùng hẻo lánh thuộc các huyện Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước, Trà My, Hiệp Đức..., trực tiếp gặp từng gia đình để trao quà cứu

trợ. Đi đến đâu các đoàn cứu trợ cũng được đồng bào và quân giải phóng tiếp đón ân cần. Nhiều người được gặp quân giải phóng trò chuyện, qua đó họ hiểu hơn về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; tạo nên sự gắn bó sâu sắc hơn giữa đồng bào thành thị với nông thôn, rừng núi. Việc cứu trợ có tác dụng giác ngộ rất lớn, tạo điều kiện cho cơ sở tại chỗ phát triển người tốt, xây dựng thành cơ sở trong các tầng lớp quần chúng tại các đô thị.

Được sự giúp đỡ, tương trợ của đồng bào cả nước, các đoàn thể chính trị của tỉnh phát động phong trào tăng gia sản xuất chống, cứu đói, trồng cây ngăn ngày làm vụ mùa tháng 3 hết diện tích, nhanh chóng phục hồi các hầm hào, củng cố làng chiến đấu, bố phòng chống địch càn quét, bảo vệ thành quả cách mạng, ra sức phát triển thực lực mọi mặt chuẩn bị cho chiến dịch đồng khởi tiếp theo... Từ đó, Nhân dân càng thấy rõ tấm lòng của cách mạng lo cho dân trong hoàn cảnh hoạn nạn, đồng thời cũng nhận rõ bộ mặt dã man, độc ác của địch, càng thêm căm thù chúng.

Nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy những thành tựu trong thời gian qua, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (12 - 1964) đã xác định phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới: *“Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực liên tục tấn công địch, phá ấp, phá kìm giành lại toàn bộ nông thôn đồng bằng, xây dựng vùng giải phóng thành căn cứ vững mạnh liên hoàn, đẩy mạnh hơn nữa công tác thành phố, nhất là xây dựng phát triển thực lực cách mạng trong nội ô, ra sức xây dựng miền núi vững mạnh về mọi mặt”*. Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 15 ủy viên. Ông Vũ

Trọng Hoàng được bầu làm Bí thư, ông Đào Đắc Trinh được bầu làm Phó Bí thư.

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và thực hiện chủ trương của Khu ủy 5 về việc mở chiến dịch Xuân năm 1965 nhằm tiến công tiêu diệt sinh lực địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy đồng khởi giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng. Đêm 7 - 2 - 1965, sau khi bộ đội ta bức rút hàng loạt đồn bót địch dọc đường 16, Nhân dân các xã Bình Lãnh, Bình Quế, Bình Sơn, Bình Lâm, Bình Định và nửa xã Bình Quý đã đồng loạt nổi dậy đồng khởi giải phóng, đưa số xã được giải phóng của Thăng Bình lên 12 xã và một số thôn. Cùng ngày, ở Quế Sơn, Nhân dân Sơn Thọ, Sơn Phúc nổi dậy giải phóng xã. Ngày 15 - 2 - 1965, được sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh, huyện, Nhân dân các xã vùng trung của huyện nổi dậy đồng khởi giải phóng các xã vùng trung đến vùng đông của huyện, cắt đứt đường 105 bao vây quận lỵ. Đến tháng 6 - 1965, toàn huyện Quế Sơn với 22/29 xã hoàn toàn được giải phóng.

Ở tây bắc Tam Kỳ, sau khi lực lượng bộ đội chủ lực Khu 5 tập kích đồn Trà Vu, bao vây đồn Đá Nẻ, hàng ngàn đồng bào ở các xã Kỳ Phước, Kỳ An, Kỳ Thịnh, Kỳ Nghĩa và một phần Kỳ Lý nổi dậy giải phóng xã, thôn. Ở Tiên Phước, Nhân dân không những chống càn, giữ vững vùng đã giải phóng mà còn tiếp tục nổi dậy đấu tranh mở ra giải phóng thêm xã Tiên Lập, Tiên Dương và một số thôn khác.

Với sự nổi dậy mạnh mẽ của phong trào quần chúng đã mở ra vùng giải phóng rộng lớn của tỉnh từ Quế Sơn đến Tam Kỳ, nối liền với vùng giải phóng Tiên Phước, căn cứ miền núi với hơn 300 ngàn dân, hình thành mạng lưới giao thông thông suốt cả tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với phong trào đồng khởi ở Quảng Nam, ở Quảng Đà, phong trào đồng khởi của Nhân dân cũng diễn ra rất sôi nổi. Ngày 7 - 2 - 1965, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương, Nhân dân các xã Xuyên Thanh, Xuyên Mỹ, Xuyên Trà, Xuyên Trường, Xuyên Hiệp và một phần Xuyên Khương (Duy Xuyên), Điện Chính, Điện Nhơn, Điện Phong, Điện Tân (Điện Bàn) hưởng ứng nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ và giải phóng.

Tháng 5 - 1965, đồng bào Xuyên Tân (Duy Xuyên) tham gia xây dựng hệ thống giao thông hào, dùng dao, rựa cùng lực lượng vũ trang chống càn. Nhân đó, Nhân dân các xã Xuyên Quang, Xuyên Long, Xuyên An, Xuyên Thái và một phần Xuyên Châu nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ. Ở huyện Đại Lộc, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, Nhân dân các xã Lộc Vĩnh, Lộc Thành, Lộc Sơn, Lộc Hòa, Lộc Quý, Lộc Phước, Lộc Tân, Lộc Quang đồng loạt nổi dậy tham gia đấu tranh giành quyền làm chủ. Ở Hội An, Nhân dân các xã Cẩm Hà, Cẩm An, Cẩm Thanh và Cẩm Hải cũng đồng loạt hưởng ứng nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ.

Thắng lợi của phong trào đồng khởi năm 1964 và chiến dịch Xuân 1965, đại bộ phận nông thôn đồng bằng Quảng Nam, Quảng Đà được giải phóng, tạo thế liên hoàn bao vây, chia cắt các quận lỵ, căn cứ vùng địch kiểm soát. Đặc biệt, tại Quảng Đà, khi ta mở chiến dịch Xuân 1965 vẫn là một tỉnh có lực lượng vũ trang còn ít, thậm chí không có cả lực lượng hỗ trợ trực tiếp của bộ đội chủ lực Quân khu 5, nhưng dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, các tổ chức đoàn thể cách mạng trên địa bàn đã biết phát động quần chúng nổi dậy với khí thế long trời lở đất và đã căn bản giải phóng được nông thôn đồng bằng như



đánh giá của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 khi tổng kết chiến dịch Xuân 1965<sup>1</sup>.

Trong quá trình đồng khởi, vai trò đấu tranh chính trị và công tác binh vận đã phối hợp nhịp nhàng với đấu tranh vũ trang. Ở Quảng Nam có hàng trăm cuộc đấu tranh chính trị, trong đó 4 cuộc có từ 500 đến 2.000 người tham gia. Ở Quảng Đà có 198 cuộc đấu tranh chính trị với 73.600 lượt người tham gia, trong đó 5 cuộc có từ 3.000 người trở lên tham gia. Đấu tranh chính trị phát triển rất cao, trở thành bạo lực của quần chúng nổi dậy vũ trang diệt ác, phá kim, phá ấp chiến lược giành chính quyền xã thôn. Công tác binh vận cũng trở thành mũi tiến công địch, làm tan rã hàng trăm trung đội dân vệ và phòng vệ dân sự. Cơ sở nội tuyến của binh vận phục vụ tình hình và có 43 lần làm nội ứng phối hợp cùng lực lượng vũ trang đánh địch. Tính riêng năm 1964 có tới 6.000 binh sĩ đào, rã ngũ, mang về nộp cho cách mạng 218 khẩu súng các loại. Đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị kết hợp với công tác binh vận trong phong trào đồng khởi đã trở thành 3 mũi giáp công, tạo nên sức mạnh tổng hợp giành thắng lợi

Để bảo vệ thành quả đồng khởi, Nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia mọi công tác để bảo vệ vùng giải phóng như hưởng ứng phong trào thi đua “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*” với yêu cầu “*khẩn trương, nỗ lực xây dựng vùng giải phóng thành hậu phương vững mạnh toàn diện nhằm đảm bảo cung cấp nhân tài vật lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, bảo phòng chống địch càn quét lấn chiếm*”.

---

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 463.

Đầu năm 1965, bên cạnh việc chỉ đạo đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, ở vùng giải phóng và vùng ta mới làm chủ, Khu ủy 5 còn ban hành chính sách thu đảm phụ kháng chiến trong sản xuất nông nghiệp, công thương nghiệp; thu quỹ nuôi quân, bán công phiếu kháng chiến trong vùng địch kiểm soát. Nhân dân trong tỉnh hăng hái thi đua hưởng ứng đưa tỷ lệ người có đóng góp cho kháng chiến ngày càng tăng. Trong những tháng đầu năm 1965, Quảng Đà huy động được 31.600 ang lúa; Quảng Nam huy động 10 triệu đồng, bán công phiếu được 6 triệu đồng<sup>1</sup>. Nhân dân còn đóng góp hàng ngàn ngày công vận chuyển lương thực, xay lúa giã gạo, làm kho, làm đường chuyển thương binh, vũ khí, đạn dược ra chiến trường...

Phong trào toàn dân tham gia bố phòng được duy trì. Nhân dân các thôn, xã vùng giải phóng đóng góp gai, tre làm rào chiến đấu, vót chông tre làm cạm bẫy, đào giao thông hào nối liền các thôn trong xã. Ở từng gia đình và nơi sinh hoạt công cộng, Nhân dân còn làm hầm chống phi pháo, hầm tránh bom đạn cho trâu bò, tài sản, hầm bí mật nuôi giấu cán bộ, bộ đội. Ở Quảng Nam, Nhân dân đào được 72.000 mét địa đạo, 383.000 mét giao thông hào, 426.000 hầm chống phi pháo, 14.000 hầm bí mật. Ở Quảng Đà, riêng Điện Bàn có 403.000 mét rào làng chiến đấu, 314.000 mét giao thông hào, 40.000 mét địa đạo, 65.000 hầm chống phi pháo; ở Duy Xuyên có 65 thôn, Đại Lộc có 73 thôn xây dựng làng chiến đấu<sup>2</sup>.

---

1. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 178.

2. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 179.

Công tác y tế, phong trào bổ túc văn hóa, bình dân học vụ thanh toán mù chữ luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể chú ý, không ngừng củng cố, kiện toàn nhằm nâng cao sức khỏe và tinh thần cho Nhân dân. Ban Chấp hành các đoàn thể giải phóng được duy trì và tiếp tục được hình thành ở những nơi có điều kiện, đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến và thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng, tổ chức mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn; căng khẩu hiệu, dán biểu ngữ, làm bản tin, thường xuyên giáo dục tư tưởng, phổ biến tin tức, thông báo tình hình chiến thắng, nhắc nhở hội viên đề cao cảnh giác với các âm mưu thủ đoạn của địch, phát động phong trào thi đua sản xuất, xây dựng tổ vắn công, đôi công, khai hoang vỡ hóa, đóng góp lương thực, thực phẩm, đi dân công phục vụ chiến trường.

Cùng với phong trào thi đua xây dựng làng chiến đấu, đi dân công, đóng góp đảm phụ cho kháng chiến..., phong trào tăng gia sản xuất, bình dân học vụ xóa mù cho Nhân dân đã tạo nên khí thế cách mạng sôi nổi, nhất là ở vùng nông thôn, vùng căn cứ cách mạng, góp phần tạo thế và lực mới cho cách mạng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Qua phong trào toàn dân đánh giặc đã xuất hiện nhiều tấm gương rất anh dũng, sáng tạo trong đấu tranh trực diện với địch. Có cụ bà khi giáp mặt kẻ thù, vừa tố cáo địch tội các của địch, vừa kể lễ thống thiết nỗi khổ sở của Nhân dân làm cho lính địch cũng phải xúc động, đồng tình với cuộc đấu tranh của đồng bào. Nhiều phụ nữ trước khi bị kẻ thù sát hại, vừa động viên chị em tiếp tục tiến lên, vừa hô khẩu hiệu đả đảo đế quốc Mỹ và tay sai; có người cầm đầu xe M113 của địch, không cho chúng phá hoại hoa màu. Nhiều cuộc đấu

tranh bị địch đàn áp khốc liệt, nhưng đồng bào vẫn kiên quyết giữ vững đội hình xông tới.

Nhìn chung, giai đoạn 1954 - 1965, mặc dù bị địch liên tục đánh phá ác liệt, đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; song dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự vận động của các tổ chức đoàn thể các cấp, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh đã vượt qua mọi khó khăn, bền bỉ chống giặc. Chính sự đấu tranh mạnh mẽ của các tầng lớp Nhân dân, đã trở thành một lực lượng quan trọng trong việc phối hợp, tạo điều kiện cho đấu tranh vũ trang và công tác binh vận giành thắng lợi, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân làm thất bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ, tạo thế và lực mới cho cách mạng tiến lên trong các giai đoạn sau.